

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẠNG III LÊN GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẠNG II
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
I	Trường PTDNT THPT Nà Hỳ																	
1	Phạm Xuân Chính	25/6/1983	x		PHT	Trường PTDTNT THPT Nà Hỳ (Nậm Pồ)	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa, Th.S QLGD	Hạng II	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng anh B, B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2022, BK của Thủ tướng Chính Phủ năm 2025	
2	Đặng Duy Dũng	14/06/1982	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Nà Hỳ (Nậm Pồ)	15/09/2006	19	4,32	V.07.05.15	ĐH SP Vật lí, Th.S Lí luận và PPGD bộ môn Vật lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh B1		- HTTNV, - HTTNV, - HTTNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2011	
3	Nguyễn Văn Đức	12/8/1985	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Nà Hỳ (Nậm Pồ)	20/8/2011	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp	Chứng chỉ GVTHPT	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP, Chứng chỉ tiếng Anh		- HTXSNV. - HTTNV. - HTXSNV	BK của UBND tỉnh năm 2018	
4	Thùng Văn Vinh	07/09/1986	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Nà Hỳ (Nậm Pồ)	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐH Sư Phạm Địa lí	Chứng chỉ GVTHPT	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	GK của giám đốc sở giáo dục và đào tạo năm học 2020- 2021, 2021-2022	
II	Trường PTDNT THPT Mường Nhé																	
1	Trần Thị Hải	30/10/1983		x	PHT	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	05/9/2007	17	4,32	V.07.05.15	ĐH sư phạm Toán học, Thạc sĩ PP và LLDH môn Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh B1		- HTXSNV. - HTXSNV. - HTTNV	BK bộ Giáo dục, BK của UBND tỉnh	
2	Trần Hải Triều	30/07/1985	x		PHT	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	01/9/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Toán, Thạc sỹ chuyên ngành Giải tích hàm	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh B1		- HTTNV. - HTTNV. - HTTNV.	CSTD cấp cơ sở , Giấy khen của Giám đốc Sở	
3	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	09/03/1986		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	10/09/2010	14	3,99	V.07.05.15	Đại học Giáo dục chính trị	Hạng II	UD CNTT cơ bản	Tiếng Hmông		- HTXSNV. - HTXSNV. - HTTNV	BK Bộ GD&ĐT năm 2023; BK thủ tướng chính phủ năm 2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
4	Phan Thị Nhu	15/05/1986		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	10/09/2010	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	UD CNTT cơ bản	Tiếng anh A2		- HTXSNV. - HTXSNV. - HTTNV	Bảng khen thù tướng chính phủ năm 2025	
5	Lường Thị Hây	06/08/1989		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	01/9/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	UD CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		- HTXSNV. - HTXSNV. - HTXSNV.	BK của UBND tỉnh năm 2020, 2024	
6	Phạm Thị Ánh	16/10/1988		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	20/08/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Hmông		- HTXSNV. - HTXSNV. - HTXSNV.	- BK của UBND tỉnh năm 2024 - BK Bộ GD&ĐT năm 2022	
7	Phạm Thị Tươi	22/09/1991		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	01/12/2018	6	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Vật lí, Thạc sĩ Vật lí chất rắn	GV THPT	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV. - HTTNV. - HTXSNV.	- BK của UBND tỉnh năm 2021 - BK Bộ GD&ĐT năm 2023	
8	Phạm Thị Thanh Nhân	19/08/1988		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	01/9/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Văn- Giáo dục công dân	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV. - HTTNV. - HTXSNV.	BK UBND tỉnh 2021; BK của TƯ Đoàn 2025; BK Tỉnh Đoàn năm 2023; GK Giám đốc Sở năm 2013, 2019, 2020	
9	Phạm Thị Hoa	13/10/1988		X	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	10/9/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐH chuyên ngành Vật lý	GVTHPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTXSNV. - HTXSNV. - HTXSNV.	- BK của UBND tỉnh năm 2024	
10	Lò Văn Long	20/10/1987	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	10/11/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tin học	Hạng II	Đại học	Tiếng Anh A2		- HTXSNV. - HTXSNV. - HTXSNV.	- Bảng Khen của Bộ GD&ĐT năm 2020; - Bảng Khen của UBND tỉnh năm 2025.	
11	Lường Văn Hải	10/11/1987	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Hạng II	Tin A			- HTTNV - HTTNV - HTTNV	BK trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh	
12	Trần Thị Mai Anh	06/09/1985		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	01/12/2011	13	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Công nghệ	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTXSNV. - HTTNV - HTTNV	- BK Tỉnh đoàn TNCS Hồ Chí Minh năm 2023, CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở.	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
13	Nguyễn Thị Hồng Vân	12/02/1983		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	05/4/2007	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn	Hạng II	Tin A	A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	CSTD cấp ngành, Giấy khen giám đốc sở	
14	Lường Văn Kim	25/11/1989	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	26/9/2014	10	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học, Thạc sĩ LL và PPDH môn Sinh học	GV THPT	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		- HTXSNV. - HTTNV - HTTNV	-BK Tỉnh đoàn TNCS Hồ Chí Minh, giấy khen GĐS, CSTD, Giáo viên giỏi cấp tỉnh	
15	Phạm Khánh Lê	09/07/1985		X	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	01/06/2009	16	3,99	V.07.05.15	Đại học-chuyên ngành Văn học	Hạng II	Ứng dụng CNTT	Tiếng Anh A2		- HTXSNV. - HTTNV - HTTNV	CSTDĐCS, Gk của Giám đốc sở	
16	Mào Văn Mừng	17/05/1989	X		Giáo viên	Trường PTDTNTTHPT T Mường Nhé	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Kỹ Thuật Công Nghiệp	Hạng II	Tin A	A2		- HTXSNV. - HTTNV - HTTNV	Bằng khen trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh năm 2023	
17	Hoàng Đức Công	28/08/1987	x		Giáo viên	Trường PTDTNTTHPT T Mường Nhé	20/08/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	C1	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	CSTD cấp ngành , Bằng khen tỉnh Đoàn TNCS HCM, Giấy khen của Giám đốc sở	
18	Nông Thị Hoi	10/01/1984		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	15/09/2012	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh 2, Tiếng Hmông		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	chiến sĩ thi đua cơ sở	
19	Nguyễn Thị Lân	22/4/1983		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	01/09/2012	14	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C1, Tiếng Hmông, Tiếng Pháp - Đại		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	CSTD cấp cơ sở	
20	Vũ Thị Bích Liên	02/11/1975		X	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Nhé	01/06/2000	25	4,9+5% VK	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh; Th.S QLGD	Hạng II	UDCB	Tiếng trung B		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh	
III	Trường PTDNT THPT Tuần Giáo																	
1	Cao Văn Bằng	02/06/1983	X		HT	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	15/9/2006	18	4,32	V.07.05.15	Th.S (Lý luận và PPDH bộ môn Toán)	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Thái		- HTXSNV, - HTTNV, - HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2014, Bằng khen của Bộ GDĐT năm 2022	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Phạm Ngọc Cảnh	05/10/1975	X		Giáo viên	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	01/03/2001	14	4,98 + 6% VK	V.07.05.15	Đại học Sư phạm KTCN; Th.S QLGD	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Thái; Tiếng Anh B1		- HTTNV, - HTTNV, - HTTNV	BK của BGDDĐT các năm 2014; năm 2022; BK của LĐLĐ tỉnh Điện Biên năm 2018	
3	Hoàng Thúy Liễu	17/12/1984		X	Giáo viên	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	05/9/2007	17	4,32	V.07.05.15	Th.S (Lý luận và PPDH bộ môn Toán)	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Thái, tiếng anh B1		- HTTNV; - HTXSNV; - HTTNV	Bảng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022; Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo các năm 2013, 2016	
4	Cao Thị Hằng	08/04/1981		X	Giáo viên	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	01/9/2004	21	4,98	V.07.05.15	Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Thái		- HTTNV, - HTTNV, - HTTNV	Bảng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022	
5	Hoàng Thị Ngọc Thùy	14/02/1990		X	Giáo viên	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Tiếng Anh	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Mông, C1 khung châu Âu		- HTTNV, - HTTNV, - HTTNV	Bảng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2015-2016	
6	Phạm Xuân Hòa	16/10/1985	x		Giáo viên	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	Th.S (Toán Giải tích)	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		- HTXSNV, - HTXSNV, - HTXSNV	Bảng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2020-2021; Bảng khen UBND tỉnh năm học 2024-2025	
7	Trần Thị Minh Hằng	28/02/1979		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tuần giáo	01/10/2003	22	4,65	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Lịch sử	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Thái		HTXSNV, HTXSNV, HTTNV	Bảng khen của UBND Tỉnh năm 2014; Giấy khen của Sở GDĐT năm 2012; Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT năm 2013	
8	Lò Văn Cường	18/09/1991	X		Giáo viên	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Địa lí	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Mông, Tiếng Anh B		HTTNV, HTXSNV, HTXSNV	Bảng khen của UBND tỉnh năm 2025 Giấy khen của Giám đốc Sở các năm 2016, 2018, 2020	
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26/11/1988		X	Giáo viên	Trường PT DTNT THPT Tuần Giáo	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Ngữ văn	GV THPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Mông		HTXSNV, HTTNV, HTXSNV	Giấy khen của Giám đốc Sở năm 2012, Giấy khen của Giám đốc Sở năm học 2013, Bảng khen của Giám đốc Sở năm 2014	
10	Phạm Thị Thu Hiền	04/01/1984		X	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tuần Giáo	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	Cử nhân Đại học tổng hợp	GV THPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh A2. Tiếng Mông	CC nghiệp vụ sư phạm	HTXSNV, HTXSNV, HTXSNV	Giấy khen của UBND huyện năm 2013-2014, 2014-2015, 2016 Giấy khen của chủ tịch UBND huyện	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
11	Hoàng Xuân Thành	25/07/1989	X		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tuần Giáo	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Sinh học	GV THPT hạng II	Tin học cơ bản	CC Tiếng Thái		HTTNV, HTTNV, HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở năm học 2015-2016, 2023 - 2024	
12	Lê Tôn Mỹ	12/09/1979	X		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tuần Giáo	10/9/2005	19	4,65	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Tiếng Anh	GV THPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh C1 Tiếng Trung HSK2	HTXSNNV, HTXSNNV,		Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT Điện Biên năm 2021-2022. CSTĐ năm 2013, 2014, 2015, 2024.	
13	Đặng Thị Yến	09/02/1989		X	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tuần Giáo	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Hóa học	GV THPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Thái		HTXSNNV, HTTNV, HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT Điện Biên năm 2022-2023	
14	Nguyễn Khánh Linh	20/08/1984	X		Giáo viên	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	20/9/2009	15	3,99	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Tin học	GV THPT hạng II	Cử nhân Tin học	Tiếng Thái		HTTNV, HTTNV, HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT Điện Biên năm 2013-2014; Giấy khen UBND huyện năm 2022.	
15	Mai Thi Hồng	17/02/1992		X	Giáo viên	Trường PTDTN THPT Tuần Giáo	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	Cử nhân Đại học tiếng Anh	GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	C1 khung châu Âu, CC tiếng Mông	CC nghiệp vụ sư phạm	HTXSNNV, HTTNV, HTTNV	Bảng khen của Tỉnh Đoàn năm học 2019-2020	
IV	Trường PTDTNT THPT Na Sang (Mường Chà)																	
1	Nguyễn Quang Huy	6/24/1984	x		P HT	Trường PTDTNTTHPT Na Sang	05/9/2011	13	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh A2; Tiếng Mông		HTXSNNV, HTTNV, HTTNV	Bảng khen của UBND tỉnh năm 2025	
2	Đỗ Văn Trinh	02/9/1984	x		Giáo viên	Trường PTDTNTTHPT Na Sang	9/10/2010	14	3,99	V.07.05.15	Đại học sư phạm toán-Ths Toán Hình học Topo	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1 Khung châu Âu, Tiếng Mông		HTXSNNV, HTTNV, HTXSNNV	BK của UBND tỉnh năm 2018, BK của LĐLĐ tỉnh năm 2024, GV giỏi cấp tỉnh 2024, CSTĐ các năm 2015, 2026, 2026	
3	Phạm Thu Hạnh	26/9/1989		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHPT Na Sang	10/11/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học	Hạng II	Tin học trình độ A	A2		HTXSNNV HTTNV HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2020, GV giỏi cấp tỉnh 2020; GVCC cấp tỉnh; Giấy khen Giám đốc Sở	
4	Lò Thị Kim	03/01/1984		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHPT Na Sang	05/09/2007	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng mông		HTXSNNV, HXSNNV, HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2020, GV giỏi cấp tỉnh 2020; GVCC cấp tỉnh; Giấy khen Giám đốc Sở	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
5	Nguyễn Thị Huyền	25/10/1981		x	P HT	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	9/15/2006	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP-Toán, Th.S QLGD	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		HTXSNV, HTXSNV, HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2024, GV giỏi cấp tỉnh 2024; Chiến sĩ ĐCS; Giấy khen Giám đốc Sở	
6	Đỗ Thị Mai	14/8/1988		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	8/20/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐH sư phạm Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng mông		HTXSNV HTTNV HTXSNV	BK trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh năm 2024, GV dạy giỏi cấp tỉnh 2024	
7	Đặng Thị Thành	26/5/1980		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	10/09/2005	19	4,65	V.07.05.15	ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn -ĐHQG Hà Nội	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	tiếng Mông	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	HTXSNVHTTNV HTTNV	02 CSTĐCS, 06 Giấy khen của Giám đốc Sở	
8	Lê Thị Hà	08/8/1988		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	20/08/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa Lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Mông		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	CSTĐCS năm 2016, Giấy khen của Giám đốc Sở năm 2014, 2015, 2024	
9	Vũ Thị Minh Loan	13/9/1988		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	20/10/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B , tiếng Anh		HTXSNV HTXSNV HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2025; GVDG cấp tỉnh năm 2024, 5 CSTĐ, 2 GKGĐS	
10	Hà Thị Nhung	28/11/1987		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	20/09/2009	13	3,99	V.07.05.15	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Hạng II	Kỹ sư Công nghệ thông tin	chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B , Tiếng Mông		HTTNV, HTXSNV, HTTNV	CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở	
11	Nguyễn Thanh Thanh	30/4/1988		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	10/11/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng Mông		HTXSNV HTXSNV HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2025, GV giỏi cấp tỉnh năm 2024, 05 CSTĐCS:2020,2021,2022,2024,2025, Giấy	
12	Nguyễn Thị Liên	02/10/1990		x	Giáo viên	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	10/09/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Vật Lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, chứng chỉ tiếng Mông		HTXSNV HTTNV HTXSNV	CSTĐCS: 2018, 2022, 2023, 2025, Giấy khen của Giám đốc Sở: 2020	
13	Nguyễn Văn Hoàng	14/4/1989	x		Giáo viên	Trường PTDTNTTHP T Na Sang	11/10/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ tiếng mông		HTXSNV HTTNV HTXSNV	CSTĐCS: 2017, 2022, 2025, Giấy khen của Giám đốc Sở: 2023	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
14	Trần Tam Thức	23/01/1984	X		Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Na Sang	9/5/2007	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ tiếng mông		HTXSNV HTXSNV HTXSNV	; GVGT tỉnh 2024; Giấy khen giám đốc sở 2013; CSTĐCS 7 năm 2012; 2013; 2014; 2022; 2023-2024-2025	
V	Trưởng: PTD TNT THPT Na Son (Điện Biên Đông)																	
1	Đỗ Cao Thượng	07/6/1979	x		HT	Trường PTD TNT THPT Na Son	01/10/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐHSP- Toán, Th.S QLGD	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1, CC Tiếng Mông		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bảng khen UBND tỉnh, Liên đoàn LD tỉnh, Giấy khen của Giám đốc Sở, UBND huyện, Công đoàn ngành, CSTĐCS	
2	Lò Văn Lợi	08/7/1984	x		PHT	Trường PTD TNT THPT Na Son	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Sinh- KTN; Th.S LL&PP DH Sinh	Hạng II	UDCNTTC B	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	BK của UBND tỉnh 2017,2020	
3	Trần Xuân Tuấn	15/7/1988	x		PHT	Trường PTD TNT THPT Na Son	1/12/2011	13	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Toán; Thạc sỹ LL&PPDH Toán	Hạng II	UDCNTTC B	Tiếng Anh B1, CC Tiếng Mông		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	BK của UBND tỉnh 2021,2025; Bằng Khen BGDDT năm 2019	
4	Lê Hữu Hải	05/09/1984	x		Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Na Son	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh B; CC Tiếng Mông		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	BK Thủ tướng chính phủ năm 2020	
5	Nguyễn Thị Kim Liên	01/07/1981		x	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Na Son	01/9/2004	13	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí, Th.S LL&PPDH Địa lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1, CC Tiếng Mông		- HTXSNV. - HTTNV. - HTTNV.	Bảng khen UBND tỉnh các năm 2011, 2015, 2021	
6	Quảng Văn Thương	10/08/1991	x		Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Na Son	26/9/2014	11	3.66	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen Ủy ban Tỉnh năm 2022	
7	Nguyễn Thị Tào	03/02/1983		x	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Na Son	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Giáo dục chính trị	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	và Đào tạo năm 2022, Giấy khen của Giám đốc Sở, UBND huyện, CSTĐCS	
8	Hà Thị Thơ	06/08/1986		x	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Na Son	01/12/2011	13	3.66	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		-HTXSNV - HTTNV - HTTNV	BK của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024, Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, CSTĐ	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
9	Lò Thị Tinh	10/03/1987		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	20/08/2011	14	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2; CC Tiếng Mông		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục năm 2012; Giấy khen của UBND huyện năm 2013, 2014, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	
10	Nguyễn Thị Linh	16/05/1986		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	10/9/2010	15	3.99	V.07.05.15	ĐHSP Hoá học. Th.S LL&PPDH Hoá học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		HTXSNV HTXSNV HTTNV	CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở GD năm 2012,2021, Giấy khen của chủ tịch UBND huyện,2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	
11	Vũ Thị Hoài	26/09/1989		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ A2		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở GD, Giấy khen của chủ tịch UBND huyện	
12	Nguyễn Văn Đáp	27/09/1986	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	20/09/2009	16	3,99	V.07.05.15	Cử nhân Cao đẳng sư phạm kỹ thuật Tin học; Kỹ sư CNTT (ĐH)	Hạng II	Kỹ sư CNTT	Tiếng Anh trình độ B		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở GD, Giấy khen của chủ tịch UBND huyện	
13	Cà Thị Cường	05/4/1986		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	10/9/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Hạng II	CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		HTXSNV HTTNV HTTNV	Bằng khen của tỉnh Đoàn năm 2020 2022 , CSTĐCS 2021 2023, Giấy khen của Giám đốc Sở GD 2014 2018 2020, Giấy khen của UBND huyện năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	
14	Trịnh Hải Thùy	02/12/1993		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	01/12/2018	6	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Sinh Hoá; Thạc sỹ Sinh học thực nghiệm	Hạng II	IC3	Tiếng Anh B1		HTXSNV HTXSNV HTTNV	CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở GD năm 2023, Bằng khen của LDLĐ tỉnh Điện Biên năm 2022, Giấy khen của UBND huyện năm 2023, 2024	
15	Hà Ngọc Bình	26/7/1989	X		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	01/9/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Toán-Lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của tỉnh đoàn Tỉnh Điện Biên năm 2021 - Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo Dục và Đào Tạo Tỉnh Điện Biên năm 2022, 2023, 2024	
16	Lò Thị Thi	20/7/1991		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	26/9/2014	11	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Chứng chỉ tin B	Chứng chỉ tiếng Anh B		HTXSNV HTXSNV HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên năm học 2016 - 2017 - Giấy khen của UBND huyện năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	
17	Trần Hải Vân	20/09/1992		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản (Tin B)	Tiếng anh cơ bản (Tiếng anh B)		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2016 - 2017 - Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2023-2024; 2024-2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
18	Lò Thị Hương	25/10/1980		X	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Na Son	25/9/2008	17	3,99	V.07.05.15	Cử nhân ĐHSP Địa lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ tiếng Anh B Chứng chỉ tiếng Mông		- HTTNV - HTTNV - HTTNV		
VI	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng																	
1	Nguyễn Thành Chi	15/5/1978	x		HT	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	01/10/2001	24	4,98 +5% VK	V.07.05.15	ĐHSP Toán; Thạc sĩ QLGD	Hạng II	Cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HHTNV - HHTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2013; bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2021	
2	Hoàng Phi Hùng	05/09/1986	x		PHT	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Toán; Thạc sĩ toán giải tích	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HHTNV - HHTNV	BK của UBND tỉnh năm 2016, 2018	
3	Phan Thị Xuân	15/01/1984		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	21/11/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP GDCT	Hạng II	Tin học văn phòng	Tiếng dân tộc H'Mông		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	BK của UBND Tỉnh năm 2020; BK của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023	
4	Trương Thị Hương	29/08/1985		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2022	
5	Đinh Thị Mai	09/10/1987		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C Tiếng dân tộc H'Mông		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2018	
6	Trần Thị Liên	10/12/1985		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng H mông		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2023	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
7	Phùng Thanh Hưng	13/02/1984	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	01/12/2011	13	3,99	V.07.05.15	ĐH CNTT; Thạc sĩ KHMT	Hạng II	Đại học CNTT	Tiếng Anh - B1	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Bậc 1	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2015	
8	Nguyễn Bá Thu	05/12/1985	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP GDTC	Hạng II	Ứng dụng CNTT Cơ bản	Tiếng anh - A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bảng khen bộ giáo dục đào tạo năm 2021	
9	Phạm Quang Việt	13/9/1986	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng dân tộc H'Mông		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bảng khen của Bộ giáo dục và đào tạo năm 2019	
10	Lường Thị Tinh	25/12/1986		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng dân tộc H'Mông, Tiếng Anh		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bảng khen của Trung ương Đoàn năm 2022. Bảng khen của Tỉnh Đoàn năm 2021,2022. Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT năm 2020	
11	Đỗ Thị Ánh	20/09/1989		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Vật Lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng dân tộc H'Mông. Tiếng Anh B2		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bảng khen của Trung Ương Đoàn 2021,2023. Bảng khen của Tỉnh Đoàn 2023.	
12	Đặng Thị Khuyến	11/03/1973		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	15/01/1997	20	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	CSTDCS (7 năm); GK của GP Sở GD (7 năm); GV giỏi cấp tỉnh;	
13	Hà Thị Nhài	02/02/1986		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	05/3/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng dân tộc H'Mông.		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	GK của Giám đốc Sở GD&ĐT	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
14	Nguyễn Văn Bảy	24/10/1975	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	01/10/1999	26	4,98 + 7% VK	V.07.05.15	ĐHSP GDTC	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng dân tộc H'Mông.		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Chiến sĩ thi đua cơ sở; GK của Giám đốc Sở GD&ĐT	
15	Đặng Thị Thu Hương	17/10/1972		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	01/02/1996	21	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng dân tộc H'Mông		- HTTNV - HTTNV - HTTNV		
16	Nguyễn Thị Thanh Hương	3/9/1981		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	10/9/2005	14	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Kỹ thuật công nghiệp	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	GK của Giám đốc Sở GD&ĐT	
17	Trần Đức Thắng	03/01/1977	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	01/8/2003	22	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	GK của Giám đốc Sở GD&ĐT	
18	Phạm Thị Hằng	08/07/1987		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	01/9/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ VHVN	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	CSTD năm 2023, 2024,2025	
19	Trần Ái Chín	22/10/1982		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	15/02/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ LLNN	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B1		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Chiến sĩ thi đua cơ sở	
20	Nguyễn Thị Thu Duyên	13/12/1985		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	10/9/2010	15	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Hoá, Thạc sĩ Hoá vô cơ	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Chiến sĩ thi đua cơ sở	21

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
21	Trần Thị Hồi	13/11/1982		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Ảng	15/9/2006	18	4,32	V.07.05.15	ĐHNN (Tiếng Anh)	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 2	chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTXSNV - HTTNV - HTTNV		
VII	Trường Phổ thông DTNT THPT tỉnh Điện Biên																	
1	Nguyễn Thị Huệ	16/6/1972		x	PHT	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	20/12/1996	28	4,98	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán - Tin	Hạng II	Đại học Sư phạm Toán - Tin	Chứng chỉ: Tiếng Anh C; Tiếng Mông	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ GDĐT năm học 2010-2011; Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên năm học 2012-2013; Bằng khen của Liên đoàn LP tỉnh	
2	Nguyễn Thị Thường	25/01/1977		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	01/9/2000	25	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của GD Sở GDĐT các năm học: 2009-2010, 2010-2011; 2024-2024; CSTĐCS các năm học: 2011-2012, 2012-2013, 2013-2014,	
3	Trần Thị Lan Anh	23/10/1978		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	01/10/2001	23	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Tin học Ứng dụng A	Tiếng Pháp C; tiếng Mông		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	03 Giấy khen của giám đốc Sở GD và ĐT các năm học: 2011-2-12; 2016-2017; 2021-2022; Chiến STĐCS các năm 2006-2007; 2011-	
4	Nguyễn Thị Lân	20/8/1981		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	01/3/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐH	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh B; Tiếng Mông	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	HTXSNV; HTXSNV; HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2023; Giấy khen Sở GD năm 2018, 2024; Chiến sĩ thi đua cơ sở các năm học: 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017,	
5	Lê Thành Long	17/10/1981	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	20/9/2009	16	4,32	V.07.05.15	CĐSP Kỹ thuật Tin học; ĐH CNTT;Thạc sỹ Quản lý Giáo dục	Hạng II	Kỹ sư CNTT	Tiếng Anh B1		HTXSNV, HTXSNV, HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2014; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh năm 2023; Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2024; CSTDCS các năm 2012; 2013;	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
6	Nguyễn Thị Oanh	19/3/1978		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	01/10/2001	23	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Pháp C; tiếng Mông		HTTNNV, HTTNNV, HTXSNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2015	
7	Mạc Văn Dũng	04/11/1980		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	01/6/2004	21	4,98	V.07.05.15	ĐHSP tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C1; Tiếng Trung B	Chứng chỉ nâng cao NVSP	- HTXSNV - HTTNNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2017; Giấy khen của giám đốc sở GDĐT các năm 2015; 2016; 2017; CSTDCS các năm 2012; 2013;	
8	Trần Thanh Nga	02/5/1982		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	15/9/2006	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Sinh - Hoá. Th.s LL&PPDH bộ môn Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1; Tiếng Mông		HTXSNV; HTTNNV;	03 Giấy khen của GD Sở GDĐT các năm học 2010-2011, 2013-2014; 2014-2015	
9	Đặng Thị Mai	27/02/1975		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	01/9/1999	26	4,98	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		HTXSNV HTTNNV HTTNNV	- 01 Bằng khen của UBND tỉnh năm học 2011-2012 - 05 Giấy khen gồm: (01 Giấy khen UBND Thị xã Lai Châu năm học 2001-2002; - 02	
10	Nguyễn Hồng Thúy	19/6/1977		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	01/8/2003	22	4,98	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Lịch sử	Hạng II	Tin học Ứng dụng A	Tiếng Anh-Trình độ B; Tiếng Mông		HTXSNV HTXSNV HTXSNV	- 02Bằng khen UBND tỉnh năm 2021,2025. - CSTĐ cấp cơ sở: 2021-2022,2022-2023, 2023 2024, 2024-2025 ...	
11	Nguyễn Thị Thuận	14/9/1988		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐH sư phạm Toán	Hạng II	Tin học A	Tiếng Anh-A2		HTXSNV HTTNNV HTXSNV		
12	Nguyễn Thị Vân	30/01/1984			Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	Th.s Lí luận văn học	Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh-Trình độ B		HTXSNV HTTNNV HTTNNV	- Bằng Khen của Bộ GD&ĐT năm 2023; - Bằng Khen của UBND tỉnh năm 2020. - 03 Giấy khen của GD sở GD - ĐT	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
13	Phạm Thị Nguyệt	07/02/1990		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	10/12/2013	12	3,66	V.07.05.15	Đại học sư phạm Sư-Địa	Hạng II	Ứng dụng CNTT	Tiếng anh - Trình độ B		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	- Bằng khen tỉnh Đoàn Điện Biên; - 02 giấy khen sở GD-ĐT	
14	Đặng Thị Quỳnh	20/9/1986		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	Đại học SP Ngữ Văn	Hạng II	Tin học ứng dụng Trình độ A	Tiếng Anh-A2		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD và ĐT năm 2024	
15	Lò Thị Thùy Ninh	16/10/1987		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	Đại học sư phạm Địa lí	Hạng II	Tin học văn phòng - B	Tiếng Anh - B		-HTTNV -HTXSNV - HTTNV	GK của Giám đốc Sở GD&ĐT	
16	Nông Thị Tâm	18/3/1985		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	Th.s Ngôn ngữ Việt Nam	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh - B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	BK của Thủ tướng chính phủ; BK của Chủ tịch UBND tỉnh	
17	Nguyễn Thị Lý	13/05/1987		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học; Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Hóa học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh - B1		- HTXSNV; - HTXSNV; - HTTNV;	Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD và ĐT (2024-2025)	
18	Vũ Thị Đức	20/01/1984		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	25/9/2008	17	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư Phạm Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng trung A1		-HTTNV -HTTNV - HTTNV	02 Giấy khen của GD Sở GDĐT các năm học: 2013-2014, CSTĐCS các năm học: 2011-2012, 2012-2013	
19	Nguyễn Thị Trang	04/7/1986			Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học; Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Hóa học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh-B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	02 Giấy khen của giám đốc Sở GD và ĐT	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
20	Hoàng Song Hào	18/11/1975	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	15/9/1999	26	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh-Trình độ B		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm học 2007;	
21	Trần Thị Ngọc Diệp	03/10/1987		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh-B1		-HTXSNV; -HTTNV; -HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2023, Giấy khen của giám đốc Sở GD&ĐT năm 2015,2017,2018	
22	Nguyễn Thị Hoa	02/8/1984		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	05/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	Đại học SP Ngữ Văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		-HTXSNV; - HTXSNV;	Bằng khen của Thủ tướng CP; Bằng khen của Bộ GD&ĐT: Bằng khen của CTUBND Tỉnh	
23	Mạc Thị Bạch Yến	07/12/1983		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT tỉnh Điện Biên	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Sinh-KTNN	Hạng II	Tin học ứng dụng Trình độ A	A2		-HTXSNV -HTTNV - HTTNV	03 Giấy khen của Giám đốc sở GD&ĐT năm 2015,2016,2023, 2 năm CSTĐCS 2014,2024, GVG tỉnh 2024.	
VIII	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh (huyện Điện Biên)																	
1	Lương Đình Tuấn	10/02/1982	x		HT	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	Đại học Sinh học; Thạc sỹ QLGD	Hạng II	Tin học cơ bản	Tiếng Anh B1	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Chủ tịch huyện Nậm Pồ	
2	Ngô Xuân Chính	13/10/1977	x		PHT	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	15/9/2001	23	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng anh; Th.S QLGD	Hạng II	Tin học ứng dụng	C		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ GDĐT năm 2012 và năm 2014; Bằng khen chủ tịch UBND tỉnh năm 2013	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
3	Nguyễn Thị Chinh	08/12/1984		x	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Mường Thanh	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	ĐH sư phạm GD CD	Hạng II	Tin học cơ bản	A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2024	
4	Nguyễn Thanh Loan	04/3/1985		X	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Mường Thanh	10/9/2010	14	3,99	V.07.05.15	ĐH sư phạm Địa lí	Hạng II	UDCNTT cơ bản	A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen chủ tịch UBND tỉnh năm 2023	
5	Lường Văn Thời	18/6/1983	x		Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Mường Thanh	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	Th.S	Hạng II	UDCNTT cơ bản	B1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2021	
6	Nguyễn Nét Thu	06/10/1982		x	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Mường Thanh	10/9/2005	15	4,65	V.07.05.15	ĐH sư phạm Ngữ văn; Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	Hạng II	UDCNTT cơ bản	B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2024	
7	Chu Thị Thanh Hoa	24/02/1987		x	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Mường Thanh	20/8/2011	13	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh C1, Tiếng Trung A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của UBND Tỉnh năm 2023	
8	Phạm Thị Ngọc Tú	02/03/1983		x	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Mường Thanh	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	UDCNTT cơ bản	A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2024	
9	Trần Thị Phượng	08/09/1983		x	Giáo viên	Trường PTD TNT THPT Mường Thanh	15/9/2006	6	4,65	V.07.05.15	Thạc sĩ Hóa vô cơ	Hạng II	Tin học cơ bản	B1		- HTXSNV, - HTTNV, - HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2023	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
10	Nguyễn Toàn Thắng	08/5/1975	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	01/5/2000	18	4,98	V.07.05.15	ĐH GDTC	Hạng II	Tin học cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2024	
11	Vũ Hải Quân	19/01/1986	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	10/9/2010	13	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Toán. Th.S lý luận và phương toán toán	Hạng II	Tin học cơ bản	B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen TW Đoàn thanh niên các năm 2015, 2018	
12	Vũ Thị Liên	04/7/1977		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	01/9/2004	13	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	Tin học cơ bản	A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	GK của Giám đốc SGD năm 2018,2019,2022,2025	
13	Chu Thị Hồng Điệp	10/01/1983		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	05/9/2007	17	4,32	V.07.05.15	Th.S Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	Hạng II	Tin học cơ bản	B1		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm học 2024-2025	
14	Lê Thị Mây	07/3/1971		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	01/12/1994	19	4,98 +11%	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn	Hạng II	Tin học cơ bản	TiếngAnh A2		- HTT NV - HTT NV - HTT NV	Giấy khen của Giám đốc SGD năm 2019	
15	Hoàng Như Sơn	17/6/1984	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Hạng II	Tin học cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục	
16	Đào Thị Hiền	01/01/1978		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	01/09/2001	23	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Tin học ứng dụng Trình độ A	Tiếng Anh C1, Tiếng Trung HSK2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐ các năm:2018-2019; 2019-2020, 2024-2025, Giấy khen của Giám đốc SGD năm 2024	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
17	Phạm Xuân Lộc	05/02/1985	x		Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Mường Thanh	25/9/2008	16	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Toán, Th.S Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm học 2024-2025	
IX	Trường PTDTNT THPT Tòa Chùa																	
1	Nguyễn Thị Lam	11/11/1986		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tòa Chùa	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐH sư phạm Lịch sử	Hạng II	Tin học cơ bản	Tiếng dân tộc Mông; Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2020	
2	Dương Thị Tú	13/11/1984		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tòa Chùa	20/9/2009	15	3,99	V.07.05.15	ĐH sư phạm Lịch sử	Hạng II	Tin học cơ bản	Tiếng dân tộc Mông; Tiếng Anh A2 (TOEFL ITP)		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2024; Bằng khen của UBND tỉnh năm 2025	
3	Lò Thị Kim Oanh	25/8/1990		X	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tòa Chùa	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Tin học A	Tiếng dân tộc Mông, Tiếng trung B1		- HTTNV, - HTXSNV, - HTTNV	Bằng khen Trung ương Đoàn 2024, CSTĐCS, giấy khen Tỉnh Đoàn 2023, GK của GĐ sở	
4	Lương Thị Dung	31/3/1985		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tòa Chùa	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	Cử nhân ĐH Văn; Th.s Văn học Việt Nam	Hạng II	Tin học ứng dụng	Tiếng Anh B1	Chứng chỉ NVSP	- HTTNV, - HTTNV, - HTXSNV	CSTĐCS; GK của GĐ sở	
5	Đinh Thị Ngân	20/3/1987		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tòa Chùa	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học	Hạng II	Tin học cơ bản	Tiếng dân tộc Mông , tiếng anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
6	Bùi Thị Thảo	13/5/1989		x	Giáo viên	Trường PTDTNT THPT Tủa Chùa	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐH sư phạm Địa lí	Hạng II	Tin học ứng dụng	Tiếng dân tộc H'Mông		- HTXSNV, - HTTNV, - HTTNV	CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở	
X	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn																	
1	Nguyễn Bích Ngọc	15/11/1974		x	Phó Hiệu trưởng	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	01/02/1999	25	4,98	V.07.05.15	Thạc sỹ Quản Lý giáo dục	Hạng II	A	Cử nhân Tiếng Anh		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Huân Chương Lao động hạng Ba QĐ số 363/QĐ-CTN ngày 18/3/2025	
2	Lê Thị Tuyết	12/5/1973		x	Giáo viên	THPT chuyên lê quý đôn	01/3/1995	30	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	A	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	- BKUBND tỉnh 1996,2004,2011,2012, 2014,2016,2020 - BKBGD 2015, 2013,2019 - BKLĐLD tỉnh 2022,2024	
3	Dương Thị Minh Hồng	15/5/1972		x	Giáo viên	THPT chuyên lê quý đôn	01/5/1994	31	4,98	V.07.05.15	ĐH Sư Phạm sử	Hạng II	A	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	BKUBND tỉnh 2000, 2011, 2012, 2015, 2018, 2024; BKBGD 2013, 2025	
4	Lưu Văn Tuấn	19/11/1982	x		Giáo viên	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSPGDTC , Th.S QLGD	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	BK Thủ Tướng Chính Phủ 2025	
5	Nguyễn Hạnh Tuyết	18/12/1979		x	Giáo viên	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	01/9/2004	21	4,65	V.07.05.15	Đại học SP tiếng Anh; Th.S tiếng Anh	Hạng II	UDCNTT cơ bản	HSK II		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm 2023, 2025.	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
6	Lê Thủy Hòa	26/3/1986		x	Giáo viên	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	10/9/2010	14	3,99	V.07.05.15	Đại học sư phạm Sinh - KTNN, Thạc sĩ Quản lí giáo dục	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2018, Bằng khen của Trung ương Đoàn, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo	
7	Dương Thị Hương	05/01/1980			Giáo viên	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	01/10/2003	22	4,98	V.07.05.15	Đại học SP Anh	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	HSK II		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng Khen UBND các năm 2010-2011, 2023-2024 2015-2016, 2021-2022, Bằng Khen LĐLĐT năm 2024-2025, Giấy khen GD Sở GD năm 2011-	
8	Phan Thị Hồng Hạnh	07/8/1981		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	01/9/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy Văn	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Anh C		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2024	
9	Bùi Thị Thu Hà	22/5/1986		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	20/9/2009	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Hoá học Thạc sỹ HH vô cơ	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2016, 2021, 2024 Bằng khen TW Đoàn TNCS HCM năm 2020	
10	Trần Trường Sinh	12/4/1980	x		Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	01/10/2003	22	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Toán-Th.s Phương pháp Toán sơ cấp	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2009, 2012, 2022 Bằng khen Bộ GD-ĐT năm 2011	
11	Đồng Thị Anh	01/10/1986		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	10/9/2010	14	3,99	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Sinh - Thạc sĩ Sinh thái học	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2024	
12	Phạm Thị Hằng Thu	02/10/1982		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử. Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam	Hạng II	Tin học cơ bản	Tiếng Anh trình độ C		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2020	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
13	Đoàn Thị Thu Hà	02/07/1982		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Sinh - Th.S LL & PPDH Sinh học	Hạng II	Tin học cơ bản	Tiếng Anh		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2023	
14	Phạm Thu Hằng	20/8/1988		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	10/11/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Trung Quốc - Th.S Giáo dục Hán ngữ quốc tế	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ C		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2024	
15	Nguyễn Thị Thúy Hằng	22/05/1980		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	05/09/2008	16	4,32	V.07.05.15	ĐH cử nhân Hóa- Th.s Hóa Phân tích	Hạng II	Tin học B	Tiếng Nga B	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2016	
16	Phạm Ngọc Hưng	30/3/1985	x		Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán- Th.s Toán Ứng dụng	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh năm 2025	
17	Đoàn Thị Mỹ	10/3/1989		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	26/9/2014	10	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	UDCNTT cơ bản	TOEFLITP		- HTXSNV - HTXSNV; - HTXSNV	BKUBND tỉnh năm 2024	
18	Phạm Thị Thương Huyền	08/5/1987		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	01/01/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn, Th.S Văn học Việt Nam hiện đại	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2021	
19	Nguyễn Thị Dung	30/04/1983		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí; Thạc sĩ LL và PP giảng dạy bộ môn Địa lí	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh năm 2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
20	Nguyễn Thị Phương Thủy	04/5/1986		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	20/9/2009	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý; Th.S Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTXSNV; - HTXSNV	Bằng khen UBND tỉnh 2025	
21	Nguyễn Thị Thu Thủy	01/12/1984		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	15/02/2008	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán Tin, Th.S Toán giải tích	Hạng II	Đại học	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh năm 2025	
22	Phạm Văn Nguyên	26/9/1988	x		Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	10/9/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Trung HSK2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen UBND Tỉnh năm 2024	
23	Đỗ Thị Hằng	01/9/1979		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	01/8/2003	22	4,65	V.07.05.15	ĐHPS Ngữ văn, Th.S Văn học Việt Nam hiện đại	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2024, Bằng khen LĐLĐ tỉnh năm 2024	
24	Lê Thị Thủy	14/01/1987		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	10/9/2010	15	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tin học	Hạng II		Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	BK của UBND tỉnh năm 2025	
25	Võ Thị Lý	12/01/1981		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Tâm lý giáo dục	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	GD của Giám đốc Sở các năm 2016, 2020, 2021	
26	Nguyễn Thị Thoa	20/8/1984		x	Giáo viên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	25/9/2008	17	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý; Th.S Lý luận và phương pháp dạy học môn Vật lý	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng anh trình độ C		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	GK của Đảng ủy Sở GDDT năm 2019	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
XI	Trường THPT Điện Biên Phủ																	
1	Phạm Quốc Cường	03/10/1977	x		Hiệu trưởng	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/01/2002	25	4,98	V07.05.15	Đại học sư phạm tiếng Anh; Th.S Quản lý giáo dục	Hạng II	B	Đại học (sư phạm tiếng Anh)		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2017	
2	Đào Thị Lý	01/11/1971		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/01/1996	29	4,98	V07.05.15	Đại học sư phạm ngữ văn	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh 2012	
3	Nguyễn Thùy Dương	01/11/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/03/2009	7	4,32	V.07.05.15	Đại học Sp Tin, Th.S Quản lý giáo dục	Hạng II	ĐH	Anh-B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh 2023; Bằng khen TW Đoàn năm 2021, 2022; Bằng khen LĐLĐ tỉnh năm 2017	
4	Nguyễn Tiến Thịnh	31/10/1984	x		Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/3/2009	17	4,32	V07.05.15	ĐHSP GDCT; Thạc sĩ LL&PP giảng dạy Giáo dục chính trị	Hạng II	Tin học A	Anh-B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh Điện Biên năm 2020; CSTĐCS 2016, 2017, 2019, 2020; Giấy khen GD 2017, 2021, 2022, 2023	
5	Ngô Quốc Hùng	25/04/1981	x		Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	10/9/2004	19	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Toán; Th.S LL&PPDH Toán	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Anh-B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục năm 2024	
6	Tạ Thị Thu Hà	25/6/1974		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/01/1999	26	4,98	V07.05.15	ĐHSP Toán; Th.S LL&PPDH Toán	Hạng II	Tin học trình độ B	Anh-B1		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
7	Trần Thị Phong	30/3/1973		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/3/1996	29	4,98	V07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	Chứng chỉ tin học trình độ B	Chứng chỉ tiếng Anh trình độ C		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Tỉnh đoàn năm 2001	
8	Nguyễn Thị Tuyết Lan	21/7/1975		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/01/2000	25	4,98	V07.05.15	ĐHSP: Ngữ Văn	Hạng II	Chứng chỉ tin học trình độ B	Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen Giám đốc sở 2019-2020; Giấy khen Ủy ban ND thành phố 2022-2023; CSTĐ 2009-2010, 2010-2011, 2011-2012, 2018-2019,	
9	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	02/10/1982		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	15/9/2006	19	4,32	V07.05.15	Đại học sư phạm Lịch sử; Thạc sỹ Lịch sử Việt Nam	Hạng II	Tin học ứng dụng Trình độ B	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen Giám đốc sở 2011-2012; 2013-2014; GĐSGD khen chuyên đề thành tích thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2024; Giấy khen của Tỉnh đoàn	
10	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/11/1983		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	05/9/2007	18	4,32	V07.05.15	ĐHSP Hóa học. Th.S Hoá vô cơ	Hạng II	Chứng chỉ tin học trình độ B	Tiếng Anh - B1		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	8 năm học được CSTĐCS: 2010-2011; 2011-2012; 2012-2013; 2017-2018; 2020-2021; 2021-2022; 2023-2024; 2024-2025.	
11	Đinh Thị Ngọc	04/12/1982		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	15/9/2006	19	4,32	V07.05.15	ĐHSP: Ngữ Văn, Th.S Ngữ văn- Ngôn ngữ Việt Nam	Hạng II	Chứng chỉ tin học trình độ B	Tiếng Anh - B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen Giám đốc sở GD&ĐT năm 2011-2012, 2012-2013, 2022-2023; CSTĐCS năm học 2020-2021; 2024-2025	
12	Nguyễn Thị Thúy Hoa	25/12/1975		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/06/2000	25	4,98	V.07.05.15	Th.sĩ Vật lí: Lý luận và phương pháp dạy học	Hạng II	Chứng chỉ tin học UDCB	Tiếng Anh - B1		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Giấy khen Giám đốc sở GD & ĐT năm học 2008 -2009; năm học 2010- 2011; CSTĐ 2025	
13	Nguyễn Thị Quý	22/8/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/8/2011	14	3,66	V07.05.15	ĐHSP GD&ĐT; ThS LL&PPDH Bộ môn GDCT	Hạng II	Chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Giấy khen Giám đốc Sở GD&ĐT năm 2020-2021, 2023-2024. CSTĐCS năm 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025.	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
14	Nguyễn Tiến Nam	23/02/1980	x		Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	10/9/2005	20	4,65	V07.05.15	ĐHSP Toán; Thạc sĩ Toán (Toán giải tích)	Hạng II	Chứng chỉ tin học trình độ B	Tiếng Anh - B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐCS các năm 2011-2012; 2020-2021; 2024-2025; Giấy khen Giám đốc sở GD&ĐT năm 2015-2016	
15	Phạm Thanh Huyền	05/5/1979		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/6/2005	20	4,65	V07.05.15	ĐHNN Tiếng Anh	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh C1; Tiếng Trung HSK2	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐCS các năm 2009;2010;2024 ; Giấy khen Giám đốc sở GD&ĐT	
16	Nguyễn Thị Bích	16/4/1979		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/9/2001	24	4,98	V07.05.15	ĐHSP : Ngữ văn, Th.S Ngữ Văn- Ngôn ngữ Việt Nam	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	CSTTCS 2011-2012,2012-2013, GK ỦY BAN THÀNH PHỐ ĐBP	
17	Vũ Thu Hường	28/6/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	25/9/2008	17	4,32	V07.05.15	Th.S Toán Giải tích	Hạng II	Tin học ứng dụng trìn độ A	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐCS các năm 2023, 2025 Giấy khen GD Sở GD&ĐT	
18	Hoàng Thị Hồng Vân	09/01/1974		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/01/1998	27	4,98	V07.05.15	ĐHSP Toán; Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy Toán	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐCS các năm 2012, 2024, 2025	
19	Nguyễn Thị Ngọc Bích	05/4/1981		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	10/9/2005	20	4,65	V07.05.15	ĐH Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội	Hạng II	Chứng chỉ tin học trình độ B	Tiếng Anh C1; Tiếng Pháp C		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐCS các năm 2009; 2017; 2024	
20	Nguyễn Thị Trang Nhung	25/8/1982		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	15/9/2006	19	4,65	V07.05.15	ĐHSP Vật Lí	Hạng II	Chứng chỉ tin học trình độ B	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐCS các năm 2012, 2013, 2020, 2021	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
21	Nguyễn Văn Anh	23/8/1986	x		Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	01/3/2016	9	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Thẻ Chất - Giáo Dục Quốc Phòng	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	CSTĐCS năm học 2023-2024, 2024-2025; Giấy khen của Giám đốc Sở năm 2022 và 2024.	
22	Nguyễn Thị Thanh Hoa	18/03/1989		X	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐH SP Toán; Th.S Lý luận và phương pháp dạy học Toán	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen năm học của Giám đốc sở giáo dục và đào tạo năm 2024	
23	Vũ Thu Hoài	26/01/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	20/09/2009	16	3,99	V.07.05.15	- ĐHSP Hóa học - Th.S Hóa học	Hạng II	Trình độ B	Tiếng anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	CSTĐ cấp ngành	
24	Đặng Việt Dũng	10/06/1983	x		Giáo viên	Trường THPT Điện Biên Phủ	15/02/2008	18	4,32	V.07.05.15	- ĐHSP Hóa học - Th.S Hóa học Vô cơ	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐ cấp ngành	
XII	Trường THCS & THPT Sín Chải (Tả Sìn Thàng)																	
1	Hoàng Thị Dung	04/4/1984		x	HT	Trường THCS và THPT Sín Chải	20/9/2009	16	3,99	V.07.05.15	Đại học Cử nhân Sinh học	Hạng II	UDCNTT cơ bản	TOEFLITP	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2021; Chiến sỹ thi đua năm 2023-2024;2024-2025	
2	Nguyễn Thành Hưng	15/9/1984	x		PHT	Trường THCS và THPT Sín Chải	05/3/2011	14	3,99	V.07.05.15	Đại học sư phạm Vật lí	Hạng II	UDCNTT cơ bản	TOEFLITP		- HTTNV; - HTSXNV; - HTTNV	CSTĐCS các năm 2017, 2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
3	Đỗ Thị Phương	03/01/1990		x	Giáo viên	Trường THCS và THPT Sín Chải	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐH sư phạm Vật Lí	Hạng II	UDCNTT cơ bản	TOEFLITP		- HTTNV; - HTSXNV; - HTTNV	Giấy khen giám đốc sở năm 2019, 2021; CSTĐCS các năm 2024, 2025	
4	Cà Văn Thanh	02/5/1990	x		Giáo viên	Trường THCS và THPT Sín Chải	26/9/2014	11	3,33	V.07.05.15	ĐH sư phạm GDTC	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTXS NV - HTXS NV	Giấy khen giám đốc sở năm 2016, 2021; CSTĐCS các năm 2017, 2024, 2025	
5	Vàng A Cua	14/4/1988	x		Giáo viên	Trường THCS và THPT Sín Chải	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐH sư phạm GDTC	Hạng II	UDCNTT cơ bản	TOEFLITP		- HTTNV - HTTNV - HTXS NV	- CSTĐ cơ sở năm 2017-2018, 2018-2019, 2024-2025. - Giấy khen của giám đốc Sở GD năm 2021, 2025	
6	Hà Văn Thuý	14/11/1984	x		Giáo viên	Trường THCS và THPT Sín Chải	01/12/2011	14	3,66	V.07.05.15	Đại học công nghệ thông tin	Hạng II	Cử Nhân CNTT	TOEFLITP	Chứng chỉ NVSP	- HTTNV; - HTSXNV; - HTTNV	Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2024, 2025	
XIII	Trường THCS & THPT Lương Thế Vinh																	
1	Trần Đình Quang	10/6/1982	x		PHT	THCS&THPT Lương Thế Vinh	05/4/2007	18	4,65	V.07.05.15	ĐH Ngữ văn; Th.S Văn học	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng anh B1	Chứng chỉ NVSP	- HTXS NV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của UBND Tỉnh năm 2013, 2022; Bằng khen của BGD&ĐT năm 2014	
2	Trương Hữu Nghị	02/9/1985	x		Giáo viên	THCS&THPT Lương Thế Vinh	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐH sư phạm Thể dục thể thao	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng anh A2		- HTXS NV - HTXS NV - HTTNV	Nhà giáo Ưu Tú năm 2023; Huân chương Lao động hạng ba năm 2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
3	Ngô Thị Hải Hà	24/4/1983		x	Giáo viên	THCS&THPT Lương Thế Vinh	15/09/2006	18	4,65	V.07.05.15	Th.S toán học trường ĐH Tây Bắc	Hạng II	Chứng chỉ B	Tiếng Anh-B1		- HTXSNV - HTXSNV; - HTXSNV	Nhà giáo Ưu Tú năm 2023; Bằng khen UBND tỉnh năm học 2013-2014	
4	Vũ Mạnh Cường	27/7/1982	x		Giáo viên	THCS&THPT Lương Thế Vinh	01/9/2006	20	4,65	V.07.05.15	Th.S Hóa lý ĐH SP Hà Nội	Hạng II	Tin dụng ứng dụng CNTT Cơ Bản	Tiếng Anh -C	Chứng chỉ NVSP	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của thủ tướng Chính phủ năm 2016	
5	Nguyễn Thị Nga	21/7/1977		x	Giáo viên	THCS&THPT Lương Thế Vinh	01/10/2001	24	4,98	V.07.05.15	Đại học sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh trình độ khung tham chiếu Châu Âu A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Nhà giáo ưu tú năm 2020, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2018, Bằng Khen của UBND Tỉnh năm 2022 Giấy khen của Giám	
6	Hà Thị Biên Thuý	12/02/1982		x	Giáo viên	THCS&THPT Lương Thế Vinh	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	Th.S Toán học (Hình học và Tổ pô)	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng anh-B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng khen của UBND Tỉnh năm 2022	
7	Nguyễn Thị Hằng	17/11/1981		x	Giáo viên	THCS&THPT Lương Thế Vinh	15/9/2006	18	4,65	V.07.05.15	Th.S Lịch sử	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2024	
8	Trần Hữu Thân	29/04/1983	x		Giáo viên	THCS&THPT Lương Thế Vinh	10/02/2010	15	3,99	V.07.05.15	Th.S lịch sử trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Hạng II	Chứng chỉ tin B	Tiếng Anh B1	Chứng chỉ NVSP	- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục năm 2021	
9	Vũ Huy Bình	15/9/1979	x		Giáo viên	THCS&THPT Lương Thế Vinh	01/3/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐH sư phạm Tiếng Anh, trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Hạng II	Tin học Văn phòng	Chứng chỉ tiếng Trung HSK2; CC tiếng Anh C1	Chứng chỉ NVSP	- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen GD&ĐT	

[illegible]

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
1	Đào Thị Kim Oanh	19/02/1976		x	PHT	THPT Mường Lay	01/12/2000	25	4,98; 5%	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2025; Bảng khen của UBND tỉnh năm 2013, 2018	
2	Đoàn Thị Biên	13/5/1983		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	28/2/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2, chứng chỉ tiếng dân tộc H Mông		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bảng khen của UBND tỉnh các năm 2019-2020; 2022-2023; 2023-2024	
3	Hoàng Thị Hồng Thảo	14/11/1979		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	01/10/2003	22	4,98	V.07.05.15	Cử nhân Lịch sử - Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	Chứng chỉ NVSP	- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bảng khen của UBND tỉnh năm 2016, 2020, 2022	
4	Nguyễn Thị Hương	11/06/1987		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	1/1/2016	09	4,32	V.07.05.15	ĐH sư phạm Toán	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2, chứng chỉ tiếng dân tộc H Mông		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bảng khen UBND tỉnh năm học 2021-2022	
5	Nguyễn Thị Kiều Giang	15/01/1981		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	05/09/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bảng khen UBND tỉnh năm 2024	
6	Hoàng Thúy Phượng	26/6/1984		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	25/9/2008	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bảng khen UBND tỉnh năm 2025	
7	Nguyễn Thị Kim Dung	02/03/1972		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	1/1/1996	29	4,98; 9%	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV; - HTSXNV; - HTTNV	Bảng khen của Bộ GD&ĐT năm 2013	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
8	Nguyễn Thị Phương	14/1/1979		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	15/9/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Trung HSK 2		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2023	
9	Vì Thị Loan	15/01/1982		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	15/9/2006	19	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV, - HTTNV, - HTTNV	Bằng khen của Trung ương Đoàn năm 2009, 2018	
10	Hoàng Văn Giang	08/01/1983	x		Giáo viên	THPT Mường Lay	10/09/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐH sư phạm Ngữ Văn	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của GD Sở GDĐT các năm học: 2012-2013, 2021-2022, 2024-2025; CSTĐCS các năm học: 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024.	
11	Nguyễn Đăng Bắc	12/12/1979	x		Giáo viên	THPT Mường Lay	1/10/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐH khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B	Chứng chỉ NVSP	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐ năm học 2010-2011; 2011-2012 Giấy khen của Giám đốc Sở năm học 2020-2021; 2022-2023	
12	Nguyễn Thanh Thảo	26/03/1983	x		Giáo viên	THPT Mường Lay	01/12/2005	15	4,65	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học	Hạng II	ĐH CNTT	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Công đoàn ngành năm học 2014-2015, 2015-2016	
13	Đỗ Thị Lương	24/7/1982		x	Giáo viên	THPT Mường Lay	15/9/2006	19	4,32	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Giấy khen của GD Sở GDĐT các năm học: 2018-2019, 2023-2024; CSTĐCS các năm học: 2020-2021, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025	
14	Bùi Khánh Toàn	11/11/1975	x		Giáo viên	THPT Mường Lay	01/12/2000	25	4,98	V.07.05.15	ĐH Tiếng Anh Sư Phạm	Hạng II	UDCNTT cơ bản	Chứng chỉ tiếng Trung HSK2		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của GD Sở GDĐT các năm học: 2018-2019, 2023-2024; CSTĐCS năm học: 2023-2024	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
XV	Trường THPT Mường Mùn (Mùn Chung)																	
1	Trần Văn Hùng	22/02/1985	x		PHT	Trường THPT Mường Mùn	25/09/2007	17	4,32	V.07.05.15	Thạc sĩ LL và PP dạy học Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		- HTTNV; - HTXSNV; - HTXSNV	Bằng khen UBND tỉnh năm học: 2018-2019 và 2021-2022	
2	Nguyễn Anh Tuấn	06/12/1983	x		PHT	Trường THPT Mường Mùn	10/02/2010	15	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Quản lí giáo dục	Hạng II	UDCNTT cơ bản	B1		HTTNV; HTTNV; HTTNV	Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam theo quyết định số 200/QĐ - CDN ngày 24/7/2019	
3	Phạm Cao Cường	31/10/1983	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Mùn	05/04/2007	16	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao	Hạng II	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	TOEFLITP		HTTNV; HTTNV; HTTNV	Bằng khen TW Đoàn theo QĐ số 480/QĐ-TWĐTN ngày 27/9/2013	
4	Đỗ Thị Thu Hằng	23/02/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Mùn	10/09/2010	14	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học	Hạng II	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	TOEFL ITP		HTTNV; HTTNV; HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh(2019,2022)	
5	Đoàn Văn Thành	03/02/1986	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Mùn	20/08/2011	13	3,66	V.07.05.15	Thạc sĩ PP và LL dạy học môn Vật lý	Hạng II	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh trình độ B1		HTTNV; HTTNV; HTTNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2012-2013,2015-2016 2018-2019, 2022-2023,2023-2024 2024-2025. - Giấy khen GD sở GD&ĐT năm học	
6	Nguyễn Quỳnh Hương	19/10/1987		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Mùn	20/09/2009	13	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học	Hạng II	Đại học	Tiếng Anh trình độ B		HTTNV; HTTNV; HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh (Năm học 2018 - 2019)	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
7	Ngô Tuấn Ba	12/01/1987	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Mùn	10/09/2010	14	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học	Hạng II	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	TOEFL ITP		HTTNNV; HTTNNV; HTTNNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2013-2014, 2014-2015, 2016-2017, 2017-2018, 2024-2025.	
8	Lưu Thị Hiệp	16/09/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Mùn	20/08/2011	13	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lí	Hạng II	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		HTXSNNV; HTTNNV; HTXSNNV	Bảng khen của UBND tỉnh Năm học 2022 - 2023	
XVI	Trường THPT Mường Nhé																	
1	Lê Trường Giang	23/4/1985	x		HT	Trường THPT Mường Nhé	01/3/2009	16	4,32	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Lịch sử, ThS Quản lý giáo dục	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNNV - HTTNNV - HTXSNNV	Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ năm học 2023-2024	
2	Đỗ Mạnh Huân	19/10/1976	x		PHT	Trường THPT Mường Nhé	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	Đại học sư phạm Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung HSK2		- HTTNNV - HTTNNV - HTTNNV	Bảng khen của UBND tỉnh Điện Biên năm học 2014-2015	
3	Khoảng Văn Châu	05/9/1984	x		PHT	Trường THPT Mường Nhé	20/8/2011	15	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm giáo dục chính trị	Hạng II	Tin học cơ bản	Trình độ B		- HTXSNNV - HTXSNNV - HTTNNV	Giấy khen của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên năm học 2018-2019	
4	Trần Thị Nam	12/06/1978		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	05/9/2007	17	4,32	V.07.05.15	Đại học Ngữ văn	Hạng II	Tin học ứng dụng	Tiếng Anh	Chứng chỉ NVSP	- HTXSNNV - HTXSNNV - HTXSNNV	Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ năm học 2023-2024	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
5	Vũ Thị Việt	25/03/1988		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	26/9/2014	10	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bảng khen của UBND tỉnh Điện Biên năm học 2017-2018 và 2023 - 2024	
6	Hà Thị Thúy Hợp	24/6/1982		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	01/3/2009	16	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	Hạng II	Tin học ứng dụng	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTXSNV - HTXSNV	Bảng khen của UBND tỉnh Điện Biên năm học 2023 - 2024	
7	Nguyễn Duy Độ	30/01/1984	x		Giáo viên	THPT Mường Nhé	20/8/2011	15	3,99	V.07.05.15	ThS Ngữ văn (Văn học nước ngoài)	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1	x	-HTXSNV - HTTNV -HTTNV	- Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên tặng bằng khen năm học 2016-2017; -Giấy khen giám đốc sở GDĐT	
8	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	22/04/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	10/11/2013	11,00	3,66	V.07.05.15	Cử nhân ĐH Sư phạm Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A 2		-HTXSNV - HTTNV - HTTNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2013-2014, 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025. - Giấy khen GD&ĐT năm học 2014-2015, 2015-	
9	Giáp Văn Sáu	02/05/1986	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	20/9/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Hóa Học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A 2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2015-2016. - Giấy khen GD&ĐT năm học 2010-2011, 2014-2015. - Giấy khen của Chủ	
10	Nguyễn Văn Thạch	20/11/1987	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	01/9/2012	12	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Vật Li	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A 2	x	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2024-2025 - Bảng khen của Tỉnh đoàn Điện Biên năm học 2019-2020. - Giấy khen của giám đốc ở GD&ĐT Điện	
11	Vũ Thuý Quỳnh	21/08/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A 2		-HTXSNV -HTTNV - HTXSNV	- 03 giấy khen của Sở GD&ĐT; 03 giấy khen của UBND huyện; Chiến Sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2015-2016, 2018-2019, 2020-	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
12	Bùi Thị Hoài	04/11/1988		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Vật Lí	Hạng II	Tin B	B		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	- 02 Giấy khen Sở giáo dục đào tạo 2021-2022, 2024-2025; 01 giấy khen UBND huyện; 01 Bằng khen Tỉnh đoàn -Chiến sĩ thi đua cơ sở: 2019-	
13	Quảng Thị Lan	01/10/1991		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	26/9/2014	10	3,33	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Địa Lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV -HTTNV -HTTNV	- 01 Giấy khen Sở giáo dục đào tạo 2018-2019; 01 giấy khen UBND huyện 2021	
14	Lò Văn Cương	28/04/1988	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	26/9/2014	10	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Thể dục thể thao	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh A2		-HTXSNV -HTXSNV - HTXSNV	- 01 Bằng Khen UBND tỉnh (2024-2025). CSTĐ cơ sở năm 2015-2016, 2017-2018, 2021-2022, 2023-2024,2024-2025.Giấy khen GD	
15	Hoàng Thị Thu Hiền	24/09/1988		X	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	26/9/2014	10	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Vật Lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	- Bằng khen Tỉnh đoàn năm 2022, GK giám đốc sở năm học 2022-2023, Giấy khen chủ tịch huyện năm 2023, chiến sĩ thi đua cơ sở năm học: 2017-	
16	Đỗ Văn Khiết	16/7/1989	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	01/9/2012	12	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2024-2025. - Giấy khen GD sở GD&ĐT năm học 2017-2018 - Giấy khen của Chủ tịch huyện Mường Nhé	
17	Vũ Hữu Huyện	07/01/1982	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	20/8/2010	15	3,99	V07.05.15	ĐH SPKT, CN May & TT	Hạng II	Ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh A2		-HTTNV - HTTNV - HTXSNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2012-2013, 2013-2014, 2014-2015, 2017-2018, 2024-2025. - Giấy khen GD sở GD&ĐT năm học	
18	Trần Thị Phượng	27/02/1985		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	10/09/2010	15	3,99	V07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh C1		- HTTNV -HTTNV -HTTNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2013-2014. - Giấy khen của chủ tịch huyện Mường Nhé năm 2014-2015	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
19	Phạm Thị Thanh	10/12/1981		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	01/3/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh A2		- HTTNV -HTTNV -HTTNV	Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học: 2020-2021, Giấy khen của chủ tịch huyện Mường Nhé: 2014-2015	
20	Nguyễn Thị Mươi	18/02/1988		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	10/11/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐH Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh A2	x	- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	- Bằng khen UBND tỉnh Điện Biên năm 2025 - Bằng khen Tỉnh Đoàn năm 2022	
21	Nguyễn Thị Minh Thương	04/3/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	10/9/2013	11	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTXSNV - HTXSNV	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm học: 2013-2014, 2014-2015, 2023-2024, 2024-2025. Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2024; Bằng khen của	
22	Bùi Thị Phương Tuyền	05/11/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	15/11/2013	11,00	3,66	V07.05.15	ĐH Sư phạm Địa Lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	- CSTĐ cơ sở năm học 2016-2017, 2019-2020, 2023-2024. - Giấy khen của Chủ tịch huyện Mường Nhé năm học 2021-2022, 2022-2023.	
23	Đặng Văn Sỹ	20/12/1986	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	10/9/2010	14	3,99	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Địa lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		- HTTNV -HTTNV -HTTNV	Chiến sĩ thi đua cơ sở 2010-2011, 2011-2012, 2012-2013, 2013-2014, 2017-2018, 2024-2025	
24	Nguyễn Thị Mây	28/11/1990		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	15/10/2015	9	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A 2		- HTTNV -HTTNV -HTXSNV	Giấy khen của GD Sở GDĐT năm học: 2021-2022,CSTĐCS năm học: 2024-2025,Giấy khen của chủ tịch huyện Mường Nhé các năm	
25	Nguyễn Thị Thu Thảo	09/11/1990		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	26/09/2014	10	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV -HTTNV -HTTNV	-CSTĐ cơ sở năm học 2024-2025. - Giấy khen của công đoàn ngành giáo dục Tỉnh Điện Biên năm 2023-2024;Giấy khen của chủ tịch huyện	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
26	Nguyễn Thị Thanh Phương	02/09/1974		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Nhé	01/01/1997	27-11	4,98	V.07.05.15	Ths Toán học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		- HTTNV -HTTNV -HTTNV	-CSTĐ cơ sở năm học 2011-2012,2013-2014 - Giáo viên giỏi cấp tỉnh năm 2005-2006,2008-2009,2011-2012, Giấy khen của	
XVII	Trường THPT Nà Hỳ (Nậm Pồ)																	
1	Trần Trường Thiện	26/12/1984	X		HT	Trường THPT Nà Hỳ	25/09/2008	16	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán, Thạc sỹ QLGD	Hạng II	Tin học Văn phòng - Trình độ A	Tiếng Anh - B1		- HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	- 02 Bằng khen của UBND tỉnh, 02 Bằng khen của Bộ GD&ĐT;	
2	Đoàn Văn Kiên	10/5/1991	X		PHT	Trường THPT Nà Hỳ	15/10/2015	9	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Sư Địa	Hạng II	Tin học ứng dụng - Trình độ B	Tiếng Anh - A2		- HTXSNV -HTTNV -HTTNV	02 lần Bằng khen UBND tỉnh; 02 lần Bằng khen Trung ương Đoàn.	
3	Vũ Thị Huê	09/9/1991		X	Giáo viên	Trường THPT Nà Hỳ	15/10/2015	09	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	Hạng II	Tin học ứng dụng - Trình độ B	Tiếng Anh - A2		- HTTNV -HTTNV -HTXSNV	01 lần giấy khen Chủ tịch UBND huyện	
4	Nguyễn Huyền Trang	17/10/1992		X	Giáo viên	Trường THPT Nà Hỳ	15/10/2015	9	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	Tin học ứng dụng -Trình độ B	Tiếng Anh - A2		- HTTNV -HTTNV -HTTNV		
XVIII	Trường THPT Thanh Nưa																	
1	Bùi Khắc Duy	10/03/1971	x		PHT	Trường THPT Thanh Nưa	01/02/1997	28	8VK: 9%	V07.05.15	ĐHSP Vật lý-KTCN; Th.S QLGD	Hạng II	Chứng chỉ B	B1		HTXSNV, HTTNV, HTTNV	04 lần UBND tỉnh, 01 Bộ Giáo dục Đào tạo tặng Bằng khen; 13 lần đạt CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Vòng Thái Triều	09/08/1985	x		Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	10/09/2010	14	3,99	V07.05.15	Th.S Ngôn ngữ Việt Nam	Hạng II	Chứng chỉ B	B1		HTXSNV, HTTTNV, HTXSNV	02 lần UBND tỉnh tặng Bằng khen; 02 lần Trung ương Đoàn tặng Bằng khen	
3	Đỗ Trọng Vũ	21/12/1986	x		Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	20/09/2009	14	4,32	V07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Hạng II	Chứng chỉ B	A2		HTXSNV, HTTTNV, HTXSNV	01 lần UBND tỉnh tặng Bằng khen; 01 Bằng khen chuyên đề của Bộ	
4	Nguyễn Thị Minh Châu	17/04/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	15/09/2006	17	4,65	V07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		HTXSNV, HTXSNV, HTTTNV	01 lần UBND tỉnh tặng Bằng khen; 02 lần Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen (01 năm học, 01 chuyên đề)	
5	Phạm Thị Nga	12/02/1983		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	01/12/2005	14	4,65	V07.05.15	ĐH Công nghệ thông tin	Hạng II	Đại học	B	Cao đẳng SP kĩ thuật tin	HTXSNV, HTTTNV, HTXSNV	01 lần UBND tỉnh tặng Bằng khen	
6	Nguyễn Thị Thanh Thuý	28/02/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	20/09/2009	16	3,99	V07.05.15	Th.S Lý luận và PPDH môn Vật lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		HTXSNV, HTXSNV, HTTTNV	01 lần UBND tỉnh tặng Bằng khen	
7	Hà Minh Hải	01/03/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	25/09/2008	17	4,32	V07.05.15	Th.S Lý luận và PPDH môn Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		HTTTNV, HTTTNV, HTXSNV	02 lần được Giám đốc Sở GDĐT tặng giấy khen	
8	Nguyễn Hoàng Thảo	16/04/1983		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	10/09/2005	17	4,65	V07.05.15	Th.S Lý luận và PPDH môn Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		HTXSNV, HTTTNV, HTTTNV	01 lần Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
9	Nguyễn Văn Thái	02/03/1979	x		Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	10/09/2005	20	4,32	V07.05.15	Th.S Ngữ văn Văn học nước ngoài	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		HTXSNV, HTTNV, HTTNV	01 lần Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen	
10	Nguyễn Thị Bích Thuận	04/12/1985		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	20/09/2009	16	3,99	V07.05.15	Th.S Lý luận và PPDH Địa lý	Hạng II	Chứng chỉ B	B1		HTXSNV, HTXSNV, HTXSNV	01 lần Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen	
11	Đỗ Thị Tú Anh	02/11/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	20/08/2011	14	3,99	V07.05.15	Th.S Hóa học vô cơ	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		HTTNV, HTXSNV, HTTNV	01 lần Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen	
12	Nguyễn Thị Vân Anh	22/11/1980		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Nưa	20/09/2009	16	3,99	V07.05.15	ĐH SP Tiếng Anh	Hạng II	Chứng chỉ B	HSK2 - Tiếng Trung		HTXSNV, HTXSNV, HTTNV	03 lần được Giám đốc Sở GDĐT tặng Giấy khen	
XIX	Trường THPT Mường Ảng																	
1	Cà Văn Minh	03/10/1978	X		HT	Trường THPT Mường Ảng	01/8/2003	22	4,98	V.07.05.15	Th.S QLGD	Hạng II	Chứng chỉ tin học B	Tiếng anh B1		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục năm 2016, Bằng khen của UBND tỉnh 2025	
2	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/11/1971		x	PHT	Trường THPT Mường Ảng	01/05/1993	29	4,98	V07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2017 QĐ số 4678/QĐ-SGDĐT 6/11/2017	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
3	Nguyễn Thị Thu Hương	07/3/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	20/9/2009	15	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2017 QĐ số 4678/QĐ-SGDĐT 6/11/2017; Bằng khen tỉnh đoàn năm 2018 - QĐ số 70/QĐ-TĐTN-VP	
4	Nguyễn Quỳnh Trang	20/07/1987		X	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	Thạc sĩ Lý luận và PPDH môn Sinh học	Hạng II	Tin học văn phòng B	Tiếng anh B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2022 (số 1390, ngày 12/8/2022); Bằng khen UBND tỉnh năm 2025 (số 1947, ngày 29/8/2025); Bằng	
5	Đào Thị Ngọt	02/3/1980		X	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	01/10/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2016 (số 164, ngày 13/8/2016)	
6	Trần Mạnh Linh	05/9/1984	x		PHT	Trường THPT Mường Ảng	25/9/2007	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Kĩ thuật viên CNTT	Tiếng Anh B		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Chiến sĩ thi đua 2014-2015; 2016-2017; 2019-2020 Giấy khen Giám đốc Sở 2017.	
7	Mai Thị Hồng Nhung	23/02/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	20/9/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐHSP sinh-KTNN	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2021 (Số 2581/QĐ-BGDĐT ngày 9/8/2021)	
8	Phạm Mạnh Hùng	10/11/1979	x		Giáo viên	Trường THPT Ắng	15/10/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục chính trị	Hạng II	CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo số 4678/QĐ-BGDĐT ngày 6 tháng 11 năm 2017.	
9	Dương Thị Phượng	05/3/1980		x	Giáo viên	THPT Mường Ảng	15/10/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục chính trị	Hạng II	CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT các năm học: 2013- 2014; 2014-2015; 2015-2016; 2019- 2020; 2022-2023	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
10	Đình Văn Ngọc	06/10/1988	x		Giáo viên	THPT Mường Ảng	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Hoà học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Sở GD-ĐT các năm 2013,2019,2022; Giấy khen của UBND huyện Mường Ảng năm 2017	
11	Nguyễn Thị Thu Hương	28/11/1981		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Hạng II	Tin học văn phòng B	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của Giám Đốc Sở GD-ĐT các năm 2012,2015,2017; Giấy khen của BCH Công Đoàn ngành GD&ĐT năm 2014;	
12	Phạm Thị Kim Minh	05/02/1985		x	Giáo viên	THPT Mường Ảng	10/09/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa Lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc sở năm 2013 và 2014; Giấy khen của UBND huyện Mường Ảng năm 2014	
13	Nguyễn Hữu Hoàn	01/10/1983	x		Giáo viên	THPT Mường Ảng	01/12/2005	20	4,32	V.07.05.15	ĐH Công nghệ thông tin	Hạng II	ĐH Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT năm 2009 và 2012	
14	Nguyễn Văn Cứu	08/04/1985	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	Th.S Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh B		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của gđ sở năm 2012; bằng khen của tỉnh đoàn năm 2024,2025; Giấy khen của UBND huyện 2025	
15	Hoàng Thị Thuý Mai	14/12/1982		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	25/9/2008	16	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Hoà học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Sở GD-ĐT các năm 2022; Giấy khen ban chấp hành LBLĐ huyện Mường Ảng	
16	Trương Thị Hiền	02/9/1980		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	01/10/2003	22	4,65	V.07.05.15	ĐH SP Địa lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của sở GD-ĐT các năm 2012, 2014; Giấy khen của CĐN năm 2008; LBLĐ huyện Mường Ảng năm 2016, 2021.	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
17	Phạm Thị Bé	15/01/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của BCH đoàn TNCS HCM tỉnh Điện Biên năm 2023,2024; CSTĐCS năm: 2023,2024,2025; giấy khen của UBND	
18	Lại Quang Hòa	24/02/1985	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	20/09/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Sở GD-ĐT các năm 2013; CSTĐCS năm 2013; 2018	
19	Lê Thị Vân	05/6/1978		X	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	01/9/2004	21	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen LĐLĐ huyện năm 2022; CSTĐCS năm 2023; CSTĐCS năm 2024	
20	Trịnh Minh Cường	19/10/1985	x		Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	10/9/2009	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Hoá học,Thạc Sỹ Hóa Vô Cơ	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	BK Trung ương Đoàn năm 2019-2020 và 2020-2021,CSTĐCS năm 2014, GK Giám đốc Sở năm 2012,2013, BK Tỉnh Đoàn; 2017,	
21	Nguyễn Thị Hằng	04/05/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Mường Ảng	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	B - Tin Văn Phòng	C- Tiếng Anh		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	BK Trung ương Đoàn năm 2025 GK Giám đốc Sở 2018 BK Tỉnh Đoàn(2023,2025)	
XX	Trường THPT Phan Đình Giót																	
1	Lê Thị Thu Hà	28/4/1974		x	PHT	THPT Phan Đình Giót	01/01/1998	27	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2013 7 Bằng khen của UBND Tỉnh Điện Biên 2 Bằng khen của Bộ	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Nguyễn Thị Nhung	06/11/1977		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	01/10/2001	24	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Hạng II	A - Tin Văn Phòng	C1- Tiếng Anh TOEFL, HSK2 Tiếng Trung		- HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	01 Bằng khen của Chính Phủ -2021 05 Bằng khen của UBND tỉnh ĐB: 2010; 2016; 2019;2021;2024 01 Bằng khen Bộ	
3	Nguyễn Thị Hà	20/10/1981		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	B - Tin Văn Phòng	C1- Tiếng Anh TOEFL, HSK2 Tiếng Trung		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	01 Bằng khen của Bộ GD & ĐT, 03 Bằng khen của Trung ương Đoàn, 01 Bằng khen của UBND Tỉnh, 02 Bằng khen của	
4	Phạm Quang Tồn	27/04/1989	x		Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	10/09/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Vật lí	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh A2 (TOEFL ITP)		-HTXSNV -HTXSNV -HTTN	Bằng khen Tỉnh ủy 2025, 02 Bằng khen Tỉnh Đoàn Điện Biên năm 2023, Giấy khen Giám đốc Sở năm 2015- 2016,	
5	Nguyễn Thị Dư	15/9/1979		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	01/10/2003	22	4,98	V.07.05.15	Thạc sỹ Hoá học	Hạng II	Tin học A	Tiếng Anh B1		-HTTNV -HTTNV -HTXSNV	- Bằng khen UBND Tỉnh năm 2010 - Bằng khen Bộ GD-ĐT năm 2012,2019	
6	Trần Thị Giang	16/01/1978		x	Tổ phó	THPT Phan Đình Giót	01/10/2001	24	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh B		-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	- Bằng khen Liên Đoàn lao động tỉnh năm 2012 - Bằng khen Bộ GD-ĐT năm 2016	
7	Nguyễn Thị Hồng Liên	04/05/1974		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	01/12/1997	28	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh C		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2011; Giấy khen Giám đốc SGDDĐT năm 2016, 2017, 2020	
8	Trần Thị Thu Hà	22/8/1978		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	04/10/2001	24	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Tin học ứng dụng A	Tiếng Trung A2		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2014; Giấy khen Giám đốc SGDDĐT năm 2010, 2012, 2020	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
9	Sùng Thị Mai	05/04/1980		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	10/9/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học Thạc sỹ Quản lý nguồn nhân lực	Hạng II	Tin học ứng dụng A	IELTS 5.5		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2021	
10	Triệu Thị Kim Kiều	08/9/1975		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	01/9/1999	25	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Tin học B	Tiếng Anh A		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	BK Bộ GDĐT 2020, BK L&LĐ Tỉnh 2013, GK GD Sở GD 2017, GK Đảng bộ tp 2009,2014; CSTĐCS 2011,2013,2024; SKKN cấp Tỉnh năm	
11	Nguyễn Thị Nhung	13/10/1984		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	25/9/2008	17	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	Tin học ứng dụng B	Tiếng Anh B		-HTTNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng khen của Tỉnh đoàn Điện Biên năm 2017 CSTĐCS 2014, 2024	
12	Phạm Thùy Linh	15/5/1982		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	05/4/2007	18	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	B	Tiếng Anh C		-HTTNV -HTXSNV -HTTNV	BK của UBND tỉnh năm 2025	
13	Nguyễn Thị Xuân	08/5/1984		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	25/09/2008	17	4,32	V.07.05.15	Thạc sỹ Vật lí	Hạng II	B	B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Giấy khen năm học 2020-2021 của Giám đốc SGD - ĐT	
14	Lưu Thị Mai	09/7/1980		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐH Tin học	Hạng II	ĐH CNTT	Tiếng Anh B	x	-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen Giám đốc SGDDT năm 2008 - 2009	
15	Bành Thị Hồng	01/10/1980		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	01/12/2005	20	4,32	V.07.05.15	Đại học Sinh học	Hạng II	Tin học ứng dụng A	Tiếng Anh C		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen Giám đốc SGDDT năm 2021 - 2022	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
16	Đào Thị Hường	09/10/1984		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	05/12/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐH Tin học	Hạng II	ĐH CNTT	Tiếng Anh B	x	-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	Giấy khen của GD Sở 2015-2016; CSTĐCS 2011-2012; 2012-2013; 2022-2023;2023-2024;2024-2025. GVG cấp Tỉnh 2024.	
17	Phạm Thị Hoà	18/12/1979		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	01/01/2002	23	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Thể dục thể thao	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2012, CSTĐCS năm 2006-2007; 2007-2008; 2009-2010; 2023-2024;2024-2025. GVG cấp tỉnh năm	
18	Đinh Thị Hương	01/9/1978		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	01/10/2003	22	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh trình độ B		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Giấy Khen năm học 2012-2013 của Giám đốc SGDĐT, CSTĐCS năm 2023,2024,2025	
19	Trương Bích Ngọc	28/11/1978		x	Giáo viên	THPT Phan Đình Giót	01/10/2001	24	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng anh trình độ B		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen của giám đốc sở GD&ĐT năm 2016 Giấy khen của Công đoàn ngành năm học 2020 - 2021	
20	Nguyễn Thị Thu Phương	20/4/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Phan Đình Giót	01/06/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐH Vật lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh Toefl ITP	x	-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	- Giấy Khen năm học 2012-2013 của Giám đốc SGDĐT - CSTĐ năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 - GV giỏi cấp tỉnh	
XXI	Trường THPT Tuấn Giáo																	
1	Lê Thị Thúy Hoàn	13/5/1972		x	PHT	Trường THPT Tuấn Giáo	13/2/1995	30	4,98	V.07.05.15	Cử nhân khoa học - ngành Hóa học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	tiếng Mông		-HTTNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng khen của Bộ trưởng BGD Giai đoạn 1996-2016	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Nguyễn Anh Quân	03/08/1988	x		PHT	Trường THPT Tuân Giáo	10/09/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ Tiếng anh trình độ B; Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông		-HTTNV -HTTNV -HTXSNV	Giấy khen của Sở GD&ĐT năm 2015, 2019, 2022, 2024	
3	Phạm Văn Ngọc	07/05/1983	x		Giáo viên	Trường THPT Tuân Giáo	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP toán học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh TOEFL ITP		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh. Số 164/QĐUBND ngày 13/8/2016	
4	Trương Thanh Xuân	12/08/1988		x	Giáo viên	Trường THPT Tuân Giáo	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP toán học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	BK của UBND tỉnh năm 2025 số 1947/QĐ - UBND ngày 29/08/2025	
5	Mai Thị Kim Huệ	27/10/1985		x	Giáo viên	Trường THPT Tuân Giáo	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP GD&ĐT, Th.s LL&PPDH bộ môn Lý luận chính trị	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh số 1425/QĐUBND ngày 15/8/2024	
6	Nguyễn Quốc Thắng	11/10/1982	x		Giáo viên	Trường THPT Tuân Giáo	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Kỹ thuật	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- Bằng khen TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh năm 2013 - Bằng khen LĐLĐ tỉnh Điện Biên năm 2024	
7	Nguyễn Văn Ninh	29/05/1978	x		Giáo viên	Trường THPT Tuân Giáo	15/9/2006	19	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc sở GD&ĐT các năm 2012, 2013,2014,2015,2018.	
8	Lương Hồng Thanh	08/4/1983		x	Giáo viên	Trường THPT Tuân Giáo	25/09/2008	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	UDCNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen của Giám đốc sở GD&ĐT các năm 2012, 2016, 2017	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
9	Trần Khánh Tùng	22/11/1976	x		Giáo viên	Trường THPT Tuần Giáo	01/10/2001	24	4,98	V.07.05.15	ĐHSP GDTC	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc sở GD&ĐT năm 2021	
10	Đỗ Công Hà	12/04/1992	x		Giáo viên	Trường THPT Tuần Giáo	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Vật Lý	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B		-HTTNV -HTTNV -HTXSNV	Giấy khen của Giám đốc Sở SG&ĐT năm 2019	
11	Đinh Thị Huệ	09/03/1979		x	Giáo viên	Trường THPT Tuần Giáo	01/06/2004	21	4,65	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Tiếng Anh	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh C1, Tiếng Trung HSK2		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen của Giám Đốc sở GD&ĐT các năm 2012,2016	
12	Đỗ Thị Hiền	25/12/1981		x	Giáo viên	Trường THPT Tuần Giáo	15/9/2006	19	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Lịch Sử	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTXSNV; - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Sở GD&ĐT năm 2012	
13	Lâm Thị Ngọc Nguyệt	06/01/1978		x	Giáo viên	Trường THPT Tuần Giáo	01/10/2003	22	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Sinh Hóa	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Mông		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen của Sở GD&ĐT năm 2016	
14	Đinh Thị Quyên	07/11/1990		x	Giáo viên	Trường THPT Tuần Giáo	10/09/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Hoá học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	CSTD cơ sở năm học 2019-2020; 2023-2024; 2024-2025	
15	Phan Thị Vân	11/10/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Tuần Giáo	20/09/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Vật Lý	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh TOEFL ITP		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	- CSTD cơ sở năm học 2011-2012, 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023,	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
XXII	Trường THPT Trần Can																	
1	Lê Văn Tuấn	12/12/1986	x		Giáo viên	Trường THPT Trần Can	01/12/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐH Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2024; - Bằng khen của UBND tỉnh - Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo	
2	Bùi Đức Nam	13/02/1988	x		Giáo viên	Trường THPT Trần Can	10/11/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục thể chất	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTXSNV; - HTTNV; - HTXSNV	- Bằng khen của UBND tỉnh năm 2019 - 02 Giấy khen của Giám đốc Sở - 03 lần CSTĐCS	
3	Nguyễn Thị Thanh Hoà	21/8/1983		x	Giáo viên	Trường THPT Trần Can	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Địa lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh Trình độ B		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	- Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT - Giấy khen của UBND huyện - Giấy khen của	
4	Hà Mạnh Dương	27/04/1990	x		Giáo viên	Trường THPT Trần Can	10/09/2013	12	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tin học	Hạng II	Đại học sư phạm Tin học	Tiếng anh Trình độ B, tiếng Mông		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen Của UBND Tỉnh: 2024 - 2025 Bằng khen của TW đoàn Bằng khen của Tỉnh đoàn	
5	Lưu Văn Tâm	06/10/1988	x		Giáo viên	Trường THPT Trần Can	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hoá học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh: TOEFL ITP (370); Tiếng Mông		- HTXSNV; - HTTNV; - HTXSNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm học 2022- 2023; Giấy khen của Huyện ủy, UBND huyện Điện Biên Đông; Giấy khen của Giám	
6	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/11/1988		x	Giáo viên	Trường THPT Trần Can	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Toán học	Hạng II	Tin học văn phòng B	Tiếng Mông		- HTTNV; - HTTNV; - HTXSNV	- Bằng khen của UBND tỉnh năm 2025 - Bằng khen của tỉnh Đoàn 2021 - Giấy khen của Giám đốc Sở - Giấy khen của	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
7	Nguyễn Vũ Phong	17/8/1981	x		Giáo viên	Trường THPT Trần Can	05/4/2007	18	4,32	V.07.05.15	Đại học Vinh chuyên ngành Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B; Tiếng Mông	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTSXNV. ; - HTTNV; - HTSXNV	- CSTĐCS 2023, 2025 - Giấy khen của Giám đốc Sở 2010, 2013 - Giấy khen của UBND huyện 2020 - Giấy khen của LĐLĐ huyện 2012.	
8	Nguyễn Thuỳ Linh	28/02/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Trần Can	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Văn-GDCD	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		-HTTNV -HTXS NV -HTTNV	Bảng khen của UBND tỉnh 2019, Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025 , CSTĐCS GVG cấp tỉnh năm	
9	Trần Thị Hằng	13/02/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Trần Can	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		-HTXS NV -HTXS NV -HTXS NV	Bảng khen của UBND tỉnh 2024, GVG cấp tỉnh năm 2024; CSTĐCS 2023-2024;2024-2025	
10	Lò Thị Cương	15/02/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Trần Can	10/11/2012	13	3,66	V.07.05.15	Đại học sư phạm Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		-HTXS NV -HTTNV -HTTNV	- Bảng khen của Tỉnh Đoàn 2019 - GVG tỉnh năm 2024 - CSTĐCS 2024 - Giấy khen của Giám đốc Sở 2015	
11	Vũ Thị Hằng	05/03/1985		x	Giáo viên	Trường THPT Trần Can	5/3/2011	16	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Tin học Văn phòng B	Tiếng Anh trình độ B		- HTXS NV; - HTTNV; - HTXS NV	- 04 lần đạt CSTĐCS: 2012-2013; 2017-2018; 2023-2024; 2024-2025.	
12	Lê Thị Tiến	18/8/1988		x	Giáo viên	Trường THPT Trần Can	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh TOEFL ITP		- HTSXNV; - HTTNV; - HTTNV	03 CSTĐCS, Giấy khen công đoàn ngành năm học 2024_2025, giấy khen Liên đoàn lao động huyện	
13	Nguyễn Văn Chung	27/12/1972	x		Giáo viên	Trường THPT Trần Can	10/12/1997	27	4,98	V.07.05.15	ĐH Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	Hạng II	Tin học Văn phòng B	Tiếng Anh trình độ A		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	- CSTĐCS: 2012-2013; 2015-2016; 2016-2017 - Giấy khen của Giám đốc Sở: 2000-2001; 2007-2008; 2008-2009; 2009-2010;	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
14	Lù Văn Đãi	03/11/1991	x		Giáo viên	Trường THPT Trần Can	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hoà học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh TOEFL ITP		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	- CSTĐCS - Giấy khen của Giám đốc Sở - Giấy khen của huyện Đoàn.	
XXIII	Trường THPT Thanh Chấn																	
1	Trần Trường Sơn	09/12/1975	x		PHT	Trường THPT Thanh Chấn	01/12/1999	26	5,229	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học Th.S QLGD	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh - B1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	BK TTg-CP năm 2013 CSTĐ cấp tỉnh năm 2023; 13 lần CSTĐCS BK UBND tỉnh năm 2023	
2	Phạm Đoàn Dung	21/9/1983		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Chấn	05/4/2007	19	4,32	V.07.05.15	Cử nhân Sinh - ĐHSP	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh A2	Chứng chỉ NVSP	-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	01 Bằng khen TTg-CP (2024 - 2025); 02 BK UBND tỉnh (2011 - 2012; 2019 - 2020); 09 CSTĐCS	
3	Nguyễn Thành Trung	25/12/1976	x		Tổ trưởng	Trường THPT Thanh Chấn	01/9/2000	25	4,98	V.07.05.15	ĐHSP TDTT chuyên ngành Điện kinh	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	- Bằng khen của Bộ :2013-2014; 2022-2023	
4	Trần Thị Hoa	23/5/1981		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Chấn	01/10/2003	23	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Toán - Tin	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B		-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	Bằng khen của Bộ: 2012-2013 Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện năm 2022	
5	Phạm Thị Huyền	11/10/1979		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Chấn	01/03/2004	22	4,65	V.07.05.15	ĐHSP GD CD	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	- Bằng khen của Bộ :2015-2016; 2022-2023	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
6	Phạm Thị Thu Thuý	15/3/1979		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Chấn	01/10/2003	23	4,98	V.07.05.15	ĐHSP TDTT chuyên ngành Điện kinh	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B		-HTTNV -HTXSNV -HTXSNV	Bảng khen của UBND tỉnh 2016-2017	
7	Thiều Thị Kim Anh	13/4/1978		x	Giáo viên	THPT THANH CHẤN	15/9/2001	25	4,98	V.07.05.15	Thạc sĩ chuyên ngành văn học Việt Nam hiện đại	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen của Bộ 2018 - 2019	
8	Đỗ Anh Sơn	11/01/1972	x		Tổ trưởng	THPT THANH CHẤN	01/4/2000	25	5,278	V.07.05.15	ĐHSP kĩ thuật công nghiệp	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen của UBND tỉnh năm học 2015-2016	
9	Bùi Thị Quyết	03/4/1975		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Chấn	01/02/1999	26	5,229	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen của UBND tỉnh năm học 2020-2021	
10	Lê Thị Thúy	24/02/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Thanh Chấn	10/9/2010	16	3,99	V.07.05.15	Th.S (Lí luận và PPDH môn Sinh học)	Hạng II	ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B1		-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	02 lần đạt danh hiệu GVG cấp tỉnh; 02 lần nhận danh hiệu CSTĐCS; 04 lần nhận giấy khen của giám đốc sở GD&ĐT và Công đoàn Ngành	
11	Phạm Văn Minh	16/11/1980	x		Giáo viên	THPT Thanh Chấn	15/3/2007	19	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Hoá học	Hạng II	ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh A1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	05 lần nhận danh hiệu CSTĐCS các năm 2012, 2015, 2021, 2022, 2025	
12	Nguyễn Phương Nam	15/3/1978	x		Tổ phó	THPT Thanh Chấn	01/10/2001	25	4,98	V07. 05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	ƯDCNTT cơ bản	Tiếng anh A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen của bộ GD&ĐT: 2015-2016	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
13	Lê Thị Thanh Nga	02/9/1981		x	Giáo viên	THPT Thanh Chấn	25/9/2008	18	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh 2022-2023; 2024-2025 CSTĐCS năm 2020-2021; 2021-2022; 2023-2024; 2024-2025	
14	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/01/1987		x	Giáo viên	THPT Thanh Chấn	20/8/2011	15	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	Hạng II	ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng anh A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen huyện đoàn Điện Biên năm 2019 CSTĐCS năm 2021-2022; 2023-2024; 2024-2025	
15	Đỗ Thị Hồng	28/8/1978		x	Tổ trưởng	THPT Thanh Chấn	01/10/2001	25	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng anh	Hạng II	ứng dụng tin học cơ bản	Trung A2 Anh C1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen của bộ GD&ĐT: 2019 - 2020 CSTĐCS: năm 2018-2019 Giấy khen giám đốc sở: năm :2017-2018, 2024-2025	
16	Trần Anh Tuấn	10/6/1983	x		Giáo viên	THPT Thanh Chấn	05/9/2007	19	4,32	V07. 05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	Tin học cơ bản A	Anh A2		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	- Giấy khen sở GD &ĐT <u>năm 2017, 20015</u> <u>- CSTĐ năm</u> <u>2017,2020,2024, 2025</u>	
17	Đinh Thị Phương Hoa	05/10/ 1978		x	Giáo viên	THPT Thanh Chấn	01/10/2001	25	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng anh	Hạng II	ứng dụng tin học cơ bản	Trung A2 Anh C1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV		
XXIV	Trường THPT Tủa Chùa																	
1	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	28/01/1984		x	Hiệu trưởng	THPT Tủa Chùa	15/9/2006	19	4,65	V.07.05.15	Thạc sĩ Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh 2022, Bằng khen của Bộ trưởng BGD năm 2024	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Phan Thị Thuỳ Linh	20/02/1987		x	Giáo viên	THPT Tòa Chùa	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	02 Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2018 và năm 2020	
3	Quảng Văn Hoà	15/7/1979	x		Giáo viên	THPT Tòa Chùa	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT: 2016 - 2017	
4	Nguyễn Thu Hằng	07/02/1988		x	Giáo viên	THPT Tòa Chùa	20/10/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng khen của Bộ GD: 2020 Giấy khen GD Sở GD: 2020	
5	Dương Công Quyền	25/3/1985	x		Giáo viên	THPT Tòa Chùa	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP TDĐT	Hạng II	tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng anh A2		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	- Giấy khen sở GD & ĐT năm 2016 - CSTĐ cấp cơ sở <u>sở 4 năm</u> 2018; 2021; 2022 và 2024	
6	Nguyễn Trang Nhung	07/9/1990		x	Giáo viên	THPT Tòa Chùa	10/11/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Địa lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh A2		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Bằng khen UBND tỉnh năm học 2024 - 2025; Giấy khen Sở GD&ĐT 2013,2016;	
7	Lương Thị Phượng	08/02/1986		x	Giáo viên	THPT Tòa Chùa	05/3/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh C1, Tiếng Trung A2		-HTTNV -HTTNV -HTXSNV	- Giấy khen sở GD năm 2021 - CSTĐ năm 2019,2024,2025	
8	Trịnh Công Đoàn	02/12/1988	x		Giáo viên	THPT Tòa Chùa	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Vật Lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- Giấy khen sở GD & ĐT năm 2018, 2024 - CSTĐ năm 2019 và 2020	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
9	Phan Thanh Loan	15/8/1987		x	Giáo viên	THPT Tòa Chùa	20/8/2011	14	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Vật Lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh C		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen sở GD & ĐTNăm 2013; CSTĐ cấp cơ sở năm 2024 và 2025	
10	Mai Thị Trang	02/10/1987		x	Giáo viên	THPT Tòa Chùa	10/3/2014	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Vật Lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen sở GD & ĐTNăm 2015; CSTĐ năm 2017và 2025	
11	Phan Thị Hồng Tươi	20/05/1987		x	Giáo viên	THPT Tòa Chùa	20/8/2011	14	3,99	V07.05.15	ĐHSP Văn-GDCD	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh B		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	-Giấy khen CĐN năm học 2018-2019, CSTĐ năm học 2016-2017, 2017-2018, 2020-2021	
12	Ngô Văn Thảo	20/02/1985	x		Giáo viên	THPT Tòa Chùa	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Kĩ thuật Nông nghiệp	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng anh A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2018	
13	Nguyễn Thị Dịu	26/5/1990		x	Giáo viên	THPT Tòa Chùa	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Trung A2; Tiếng Anh C1	chứng chỉ NVSP	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Sở GDĐT năm 2019	
XXV	Trường THPT Hoàng Công Chất (HDB)																	
1	Trần Đức Đạt	23/03/1976	x		PHT	THPT Hoàng Công Chất	15/09/2001	24	4,98	V.07.05.15	Đại học sư phạm Toán; Thạc sĩ quản lý giáo dục	Hạng II	Ứng dụng tin học cơ bản	Tiếng Anh B1		-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh năm học 2013-2014	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Trần Huy Hoàng	24/11/1981	x		HT	THPT Hoàng Công Chất	25/9/2008	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Lịch Sử	Hạng II	Tin học A	Tiếng Anh B1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen UBND Tỉnh Điện Biên Năm học 2012-2013 (QĐ 167, ngày 22/7/2013)	
3	Nguyễn Thị Lan Anh	11/5/1987		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	Đại học sư phạm Toán; Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Hạng II	CNTT cơ bản	B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Bảng khen của UBND tỉnh năm học 2024-2025	
4	Phạm Quốc Cường	04/11/1982	x		Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán; Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Hạng II	CNTT cơ bản	B1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	CSTĐ cấp cơ sở năm 2012,2013,2017,2025	
5	Nguyễn Dịu Hương	10/12/1981		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	10/09/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Toán; Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Hạng II	Tin học A	Tiếng Anh B1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	CSTĐ cấp cơ sở năm 2019,2023,2024	
6	Hoàng Hữu Văn	05/02/1988	x		Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	10/9/2013	12	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Toán; Thạc sĩ Hình học và tô pô (Toán học)	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	- CSTĐ CS năm học 2013-2014 - 03 Bảng khen của Đoàn TNCS HCM tỉnh Điện Biên	
7	Nguyễn Thị Kim Thủy	27/07/1983		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	10/9/2005	20	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán; Th.S LLvà PPDH Toán	Hạng II	Cao đẳng	B1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	GK của GDS, CSTĐCS, GVG tỉnh	
8	Ngô Thị Thu Hường	23/05/1980		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	01/10/2003	22	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Hoá học, Th.S Hoá vô cơ	Hạng II	B	B2		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	2 GK của GDS, 6 CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
9	Vũ Thị Liu	01/10/1986		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	20/9/2009	16	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học	Hạng II	tin học ứng dụng	A2		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Bằng khen của thủ tướng năm 2023	
10	Nguyễn Thế Giang	24/07/1982	x		Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP hoá học. Thạc sĩ hoá vô cơ	Hạng II	B	B1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	CSTĐ cấp cơ sở năm 2021,2022; Giấy khen GDS năm 2019	
11	Đặng Thanh Hà	30/08/1989		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	1/09/2012	13	3,66	V07.05.15	Cử nhân Văn học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	chứng chỉ NVSP	-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	- 1 BK tỉnh đoàn Điện Biên (2019) - 3 GK Giám đốc sở (2016, 2017, 2020) - 4 CSTĐ cơ sở (2017,2019,2021,2024)	
12	Cao Thị Ngân	10/12/1974		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	01/2/2002	24	4,65	V07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn Th S LL& PPDHBM Văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	- CSTĐ CS năm học 2024-2025	
13	Đào Thị Hiền	04/12/1979		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	01/09/2004	21	4,65	V07.05.15	ĐH sư phạm Ngữ Văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFLITP		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	- Năm 2019:CSTĐ cấp cơ sở. - 2 Giấy khen GDS năm (2022, 2023)	
14	Nguyễn Thị Hạnh	10/02/1978		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	31/6/2001	24	4,98	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	Hạng II	Cao đẳng	A2		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	GK của GDS, CSTĐCS, GVG tỉnh	
15	Ngô Thị Ngọc Oanh	12/10/1985		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	20/01/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Vật lí	Hạng II	UDCB	A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	GK của GDS, CSTĐCS, GVG tỉnh	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
16	Lò Thị An Khánh	02/09/1978		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	01/8/2003	22	4,98	V.07.05.15	ĐH	Hạng II	UDCB	A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	CSTĐCS	
17	Lù Văn Đức	20/12/1979	x		Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	10/9/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Vật lí, Thạc sĩ LL và PPDH môn Vật lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	04 CSTĐCS(2013, 2017, 2019,2022); 02 giấy khen(2014, 2015)	
18	Trần Thế Đại	19/09/1987	X		Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	Đại học sư phạm Tiếng Anh	hạng II	Cơ bản	Tiếng Anh C1, Tiếng Pháp B1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	BK TW Đoàn 2017,2018; BK UBND tỉnh 2022; BK Bộ GD 2024; CSTĐ tỉnh 2023; GVDG tỉnh 2024	
19	Nguyễn Thị Cúc	25/11/1989		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	CNTT cơ bản	Tiếng anh C1,Tiếng Trung B		-HTTNV -HTXSNV -HTXSNV	CSTĐCS các năm 2018,2019,2020,2024	
20	Nguyễn Thị Loan	07/11/1978		x	Tổ phó-Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	25/09/2008	18	3,99	V.07.05.15	ĐH Sư Phạm Tiếng Anh	hạng II	Cơ bản	Tiếng Ah C1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	CSTĐCS năm học 2924-2025: GK của Giám Đốc sở năm học 2024-2025	
21	Lê Hồng Lâm	01/10/1977	x		Tổ Trườn g	THPT Hoàng Công Chất	01/10/2003	22	4,65	V.07.05.15	ĐH SPHN2 Cử nhân GDQP-AN	Hạng II	Cơ bản	TOEFLITP		-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	BK Bộ GD năm 2025 GK GDS các năm 2011;2017 CSTĐCS các năm 2018;2025	
22	Nguyễn Thị Ngọc Lan	12/02/1986		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	20/02/2011	14	3,99	V.07.05.15	Đại học sư phạm Địa lí	Hạng II	Cơ bản	A2		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	CSTĐCS 2018,2019,2020,2021, 2022,2023,2024	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
23	Hoàng Ngọc Anh	01/12/1986		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	10/09/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí, Th.S LL & PPDHBM Địa lí	Hạng II	Cơ bản	B1		-HTTNV -HTTNV -HTXSNV	Bảng khen UBND tỉnh năm 2017; CSTĐ năm 2013, 2016, 2017, 2025	
24	Hứa Thị Thúy	17/07/1985		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐH SP Giáo dục chính trị	Hạng II	ƯDCNTT cơ bản	A2		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	Bảng khen UBND tỉnh năm 2022; CSTĐ năm 2018,2019,2020,2021, 2022,2023,2024,2025	
25	Nguyễn Thị Lan	12/03/1979		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	15/9/2001	24	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí; Th.S LL & PPDHBM Địa lí	Hạng II	ƯDCNTT cơ bản	B1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen UBND tỉnh, Bảng khen Công đoàn GDVN, CSTĐCS	
26	Đỗ Ngọc Thúy	15/11/1990		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐH SP Sinh học	Hạng II	Cơ bản	A2		-HTTNV -HTTNV -HTXSNV	Bảng khen của Bộ GD & ĐT năm 2021	
27	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/01/1983		x	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học	Hạng II	Cơ bản	A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	3 GK GBS: 2015, 2017, 2018. 2 CSTĐ: 2015, 2025	
28	Hoàng Thị Thuý	15/03/1980		X	Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	15/09/2006	19	4,32	V07.05.15	Th.S	HạngII	Cơ bản	B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	CSTĐCS năm 2023, 2024	
29	Dương Thế Cương	18/11/1985			Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	25/9/2008	17	4,32	V.07.05.15	Đại học công nghệ thông tin	Hạng II	Đại học	A2	Chứng chỉ NVSP	-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	2 CSTDCS năm 2024,2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
30	Phạm Minh Đức	14/4/1983	x		Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	05/10/2006	19	3,99	V.07.05.15	ĐHSP GDThê chất	Hạng II	ỨDCNTT cơ bản	A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV		
31	Nguyễn Đức Toàn	20/01/1977	x		Giáo viên	THPT Hoàng Công Chất	01/11/2000	25	4,98	V.07.05.15	Đại học sư phạm kỹ thuật công nghiệp	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	CSTĐCS năm 2025; Giấy khen giám đốc sở năm 2018, 2021, 2024	
XXVI	TrườngTHPT Mường Nhà																	
1	Chu Công Điền	06/01/1978	x		HT	THPT Mường Nhà	01/01/2002	23	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Toán học, Th.S QLGD	- Hạng II - Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh - B1		- HTTNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2024	
2	Nguyễn Trọng Trung	01/8/1982	x		PHT	THPT Mường Nhà	05/9/2006	19	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	- Hạng II - Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh - A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm học 2024 - 2025	
3	Vũ Kiên Cường	25/3/1981	x		Giáo viên	THPT Mường Nhà	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Toán học	- Hạng II - Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh - A2		- HTTNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2024	
4	Nguyễn Thị Cảnh	03/01/1984		x	Giáo viên	THPT Mường Nhà	25/9/2008	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	- Hạng II - Hạng III	Chứng chỉ A	Tiếng anh - A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2023	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
5	Nguyễn Tiểu Phong	10/6/1981		x	Giáo viên	THPT Mường Nhà	05/4/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	- Hạng II - Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Trung HSK2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giáo viên Giỏi cấp tỉnh năm 2024	
6	Vũ Thị Huyền	18/10/1980		x	Giáo viên	THPT Mường Nhà	01/5/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	- Hạng II - Hạng III	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng trung HSK2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bảng khen của Bộ GD&ĐT năm học 2024 - 2025	
7	Lò Thị Dung	02/02/1988		x	Giáo viên	THPT Mường Nhà	20/8/2011	14	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Địa lí	- Hạng II - Hạng III	Chứng chỉ A	Tiếng anh - B		- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bảng khen của UBND Tỉnh năm học 2023 - 2024	
XXVII	Trường THPT Búng Lao																	
1	Nguyễn Văn Dường	29/01/1984	x		PHT	THPT Búng Lao	05/9/2007	17	4,32	V.07.05.15	Đại học Đà Lạt	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	Chứng chỉ NVSP	- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bảng khen của UBND tỉnh năm học 2024-2025	
2	Nguyễn Văn Lợi	12/7/1986	x		PHT	THPT Búng Lao	10/9/2010	14	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Bảng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2024-2025	
3	Nguyễn Thị Phấn Dịu	06/10/1986		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	10/9/2010	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Sinh - Th.S LL & PPDH Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ năm học 2023-2024	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
4	Linh Thị Hạnh	16/11/1984		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	20/9/2009	15	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm học 2021-2022	
5	Nguyễn Thị Châm	08/6/1988		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	10/11/2012	12	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022	
6	Trịnh Xuân Tuân	20/11/1987	x		Giáo viên	THPT Búng Lao	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm GDTC-QP	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2024-2025	
7	Nguyễn Thị Dung	04/8/1988		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	01/02/2015	10	3,33	V.07.05.15	Đại học Giáo dục Chính trị	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2024-2025	
8	Lò Văn Chung	05/11/1989	x		Giáo viên	THPT Búng Lao	10/9/2013	11	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen Ủy Ban TW Hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam Năm 2024	
9	Lò Thị Minh Lành	10/9/1989		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	10/9/2013	11	3,66	V07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của TW Đoàn năm học 2020-2021	
10	Nguyễn Thọ Giai	20/4/1983	x		Giáo viên	THPT Búng Lao	15/02/2008	17	4,32	V.07.05.15	Đại học Đà Lạt	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2	Chứng chỉ NVSP	- HTXSNV - HTXSNV - HTXSNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm học 2024-2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
11	Luu Văn Dân	20/5/1987	x		Giáo viên	THPT Búng Lao	01/9/2012	12	3,66	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của TW Đoàn năm học 2021-2022	
12	Lò Thị Biên	26/11/1991		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	15/10/2015	9	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Hóa học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện Tủa Chùa năm học 2016-2017; 2019-2020; 2020-2021	
13	Nguyễn Ngọc Lan	20/10/1981		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	15/02/2008	17	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm GDTC	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2020-2021; 20218-2019; UBND huyện năm học 2013-2014; 2024-2025	
14	Lường Thị Út	20/09/1992		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	15/10/2015	9	3,33	V.07.05.15	Đại học Giáo dục Chính trị	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023; 2018-2019;	
15	Lê Thị Ngọc Thuý	21/10/1984		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	25/9/2008	16	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023; 20218-2019	
16	Trần Thị Nương	08/04/1981		x	Giáo viên	THPT Búng Lao	15/02/2008	17	3,99	V.07.05.15	Đại học Mở Hà Nội	Hạng II	Chứng chỉ Tin - Kế toán	Tiếng Anh C1, Tiếng Pháp A	Chứng chỉ NVSP	- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2010-2011; CSTĐ Cơ sở năm 2019- 2020	
17	Sùng A Khua	05/02/1985	x		Giáo viên	THPT Búng Lao	25/9/2008	16	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch Sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024; Chủ tịch UBND huyện năm học 2021-2021	

[illegible]

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
1	Phạm Thị Thu	24/10/1982		x	PHT	Trường THPT Na Sang	15/9/2006	19	4,65	V.07.05.15	Đại học Ngoại ngữ-ĐH Quốc gia Hà Nội	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C1, Tiếng Trung HSK 2	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	- HTSXNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh năm 2014	
2	Lò Thị Viên	12/11/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa Lí - ĐH Thái Nguyên	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		- HTSXNV - HTSXNV - HTTNV	Bằng Khen chủ tịch UBND tỉnh năm học 2023-2024, Bằng khen của Bộ GD_ĐT (GD 2020-2025)	3
3	Chu Thị Phương	29/06/1991		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	26/9/2014	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Địa Lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		- HTXS NV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh năm học 2021-2022	
4	Nguyễn Thị Sen	15/03/1985		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	20/8/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Tin học Ứng Dụng B, tin học giáo án điện tử	Tiếng Anh C1, tiếng Trung HSK 2		- HTXS NV - HTXS NV - HTXS NV	Bằng Khen UBND tỉnh năm học 2023-2024	
5	Vừ Thị Thu Việt	18/3/1988		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Giáo dục chính trị	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Hmông		- HTXS NV - HTTNV - HTTNV	Bằng Khen UBND tỉnh năm học 2022-2023	
6	Thào Thị Mỹ	13/04/1992		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Lịch Sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2;		- HTXS NV - HTTNV - HTXS NV	- Bằng khen của UBND tỉnh năm 2025	
7	Quảng Thị Lai	14/12/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh C1		- HTXS NV - HTTNV - HTXS NV	- Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
8	Ngô Thị Duyên	13/05/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	10/09/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2;		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	- Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2025	
9	Nông Thị Thanh Nhân	19/12/1991		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	26/9/2014	11	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản			- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	Bằng khen của Trung ương Đoàn năm 2019	
10	Phạm Thị Hồng Duyên	31/5/1985		X	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	20/9/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh trình độ A2		- HTXSNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen Liên đoàn Lao động Tỉnh Điện Biên năm học 2023 - 2024	
11	Phạm Đức Long	02/4/1988	X		Giáo viên	Trường THPT Na Sang	01/9/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Sinh - Hoá	Hạng II	Tin Học trình độ A	Tiếng anh trình độ A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen Tỉnh Đoàn Điện Biên	
12	Ngô Xuân Oanh	10/10/1988	x		Giáo viên	Trường THPT Na Sang	01/12/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Toán, Th.S LL&PPDH bộ môn Toán	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh bậc 3		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc sở các năm 2015-2016;2016-2017	
13	Cao Thị Liễu	07/12/1982		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	25/9/2008	17	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng dân tộc H'Mông		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen của Giám đốc sở các năm 2011-2012;2012-2013	
14	Lê Thị Thủy	03/01/1986		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	01/12/2011	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Sinh học	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng anh trình độ A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Giám đốc sở các năm 2016-2017; 2024-2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
15	Đinh Thị Trang Nhung	15/6/1985		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	20/9/2009	16	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Địa Lí	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản			- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy Khen của Giám đốc sở năm: 2023-2024; 2024-2025	
16	Nguyễn Thị Lịch	18/7/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh trình độ A2		- HTSXNV - HTTNV - HTTNV		
17	Lò Thị Toán	08/01/1991		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	26/09/2014	11	3.33	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng anh trình độ B		-HTTNV -HTTNV -HTTNV		
18	Đinh Thị Ngọc Mỹ	27/12/1989		x	Giáo viên	Trường THPT Na Sang	26/09/2014	11	3,33	V.07.05.15	ĐHSP Tin học, Thạc sĩ CNTT	Hạng II	Thạc sĩ CNTT	Tiếng anh bậc 3		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV		
XXIX	Trường THPT Nà Tấu																	
1	Trần Thị Quyên	11/6/1983		x	Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	10/9/2005	16	4.65	V07.05.15	Thạc sỹ Toán - Chuyên ngành Lý luận và PPDH Toán	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh B1 - Khung châu âu		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	5 năm nhận giấy khen Giám đốc Sở 2011-2012,2013-2014,2014-2015,2017-2018,2024-2025. 5 năm CSTĐ: 2015,2016,2017,2019,	
2	Hồ Minh Thanh	19/8/1985		x	Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	25/9/2008	17	4,32	V07.05.15	Đại học sư phạm Vật Lý	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen BGD (2024-2025);CSTĐCS 05 năm(2014,2015,2016, 2017,2018);2giấy khen GĐ Sở(2013,2014)	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
3	Trịnh Văn Nguyên	09/12/1978	x		Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	15/10/2004	21	4,65	V07.05.15	Đại học sư phạm Văn học,Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng anh B1		- HTXSNV - HTTNV - HTXSNV	+ Chiến sĩ thi đua cơ sở các năm : 2013, 2015, 2019, 2023, 2025 + Giấy khen của Giám đốc Sở các năm :2014, 2016, 2024	
4	Thái Thị Ngoan	06/6/1977		x	Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	01/10/2004	21	4,65	V07.05.15	ĐHNN	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh C1, HSK 2	CC NV Sư Phạm	- HTXSNV - HTTNV - HTTNV	Bảng khen UBND tỉnh 2021, 2023	
5	Trần Ngọc Hùng	12/5/1984	x		Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	05/9/2007	18	4,32	V07.05.15	Thạc sỹ Toán - Chuyên ngành Giải tích	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh B1 - Khung châu âu		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen của LĐLĐ tỉnh năm 2023; Giấy khen của Chủ tịch UBND Huyện ĐB năm 2014; Giấy khen của GD sở GD năm 2024; CSTĐ các năm	
6	Trịnh Thị Thúy	17/01/1984		x	Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	10/9/2010	15	3,99	V07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Tin học Văn phòng Trình độ B	Tiếng Anh Trình độ B		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2016, 2018, 2025	
7	Lò Văn Hải	04/5/1986	x		Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	20/8/2011	14	3,66	V07.05.15	Thạc sỹ LL và PP dạy học môn Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Bảng khen của Tỉnh đoàn Điện Biên năm 2021, 2022, 2024, 2025	
8	Vũ Biên Thuý	11/11/1983	x		Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	10/9/2005	20	4,65	V07.05.15	ĐHSP TDĐT	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh A2		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2014 - Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2020; 2021	
9	Bùi Trọng Minh	13/10/1985	x		Giáo viên	Trường THPT Nà Tấu	05/3/2011	14	3,99	V07.05.15	Thạc sỹ Hoá học Vô cơ	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	- Bảng khen Tỉnh đoàn Điện Biên năm 2017 - Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2019 - Chiến sĩ thi đua cơ	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
XXX	Trường THPT Mường Chà(Chà Cang)																	
1	Lê Quốc Khánh	02/9/1981	x		PHT	Trường THPT Mường Chà	15/02/2008	17	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ A2		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh năm 2022; Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT các năm 2011, 2014, 2017, 2021, 2023; Giấy khen của CT	
2	Lường Văn Hà	05/4/1989	x		PHT	Trường THPT Mường Chà	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Tin	Hạng II	Đại học sư phạm Tin học	Tiếng Anh trình độ A2		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	01 giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT năm 2023; 01 giấy khen của Chủ tịch UBND huyện năm 2024; 01 Bằng khen của Bộ GDĐT năm	
3	Lê Thị Tươi	29/9/1985		x	Giáo viên	THPT Mường Chà	20/08/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐH Giáo dục chính trị	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh trình độ A2		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	BK của chủ tịch UBND tỉnh năm 2019 và 2022	
4	Vương Văn Quyết	24/4/1987	x		Giáo viên	THPT Mường Chà	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh trình độ A2		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	- 01 BK Chủ tịch UBND tỉnh năm 2024 - 01 BK của Công đoàn Giáo dục Việt Nam năm 2024	
5	Bùi Văn Ịu	16/9/1987	x		Giáo viên	THPT Mường Chà	20/08/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP thể dục thể thao	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh trình độ A2		-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	- BK Bộ GD&ĐT năm 2021	
6	Đặng Văn Dũng	27/9/1972	x		Giáo viên	THPT Mường Chà	10/5/1999	14	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Kỹ thuật CN	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh trình độ A2		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh năm 2016; Giấy khen của Giám đốc Sở GDĐT các năm 2011; Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện Năm	

[illegible]

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
1	Hà Văn Tuấn	20/7/1981	x		PHT	THPT Mùòng Luân	10/09/2005	20	4,65	V.07.05.15	ĐHSP Sinh, Th.S QLGD	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh B1		- HTSXNV - HTSXNV; - HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2024	
2	Vì Văn Đình	25/10/1986	x		PHT	THPT Mùòng Luân	10/09/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Sinh, Th.S QLGD	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTSXNV - HTTNV - HTTNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT, Bằng khen chủ Chủ tịch UBND tỉnh, Kỷ niệm chương "Vì thế hệ trẻ", CSTĐCS	
3	Nguyễn Văn Thuyền	17/6/1985	x		Giáo viên	THPT Mùòng Luân	20/08/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Vật lý	Hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTSXNV - HTTNV - HTTNV	" Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2017, 2024"	
4	Vì Văn Chuẩn	25/8/1987	x		Giáo viên	THPT Mùòng Luân	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Công nghệ	Hạng II	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	02 Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2024, Bằng khen chủ Chủ tịch UBND tỉnh năm 2018, Bằng khen của Ủy ban Trung ương hội liên hiệp thanh	
5	Vũ Chí Công	01/5/1985	X		Giáo viên	THPT Mùòng Luân	10/09/2010	15	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Hóa học	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTTNV - HTTNV - HTXSNV	Giấy khen của Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo năm 2024 - 2025	
6	Nguyễn Thị Thanh	10/01/1986		X	Giáo viên	THPT Mùòng Luân	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Lịch sử	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTTNV - HTSXNV - HTXSNV	CSTĐCS, Bằng khen của tỉnh Đoàn Điện Biên năm 2024	
7	Bùi Thị Riều	08/5/1985		X	Giáo viên	THPT Mùòng Luân	01/12/2011	14	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTSXNV - HTTNV - HTTNV	CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Sở GD và ĐT	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
8	Nguyễn Thị Quỳnh Hải	28/8/1988		X	Giáo viên	THPT Mường Luân	20/08/2011	14	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Toán	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		- HTTNV - HTSXNV - HTTNV	CSTĐCS, Bằng khen của Tỉnh Đoàn năm 2024 Bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh Điện	
9	Lò Thị Khoa	09/7/1988		x	Giáo viên	THPT Mường Luân	20/08/2011	14	3,99	V.07.05.15	ĐHSP Văn - GD&ĐT, Th.S Ngữ Văn	Hạng II	tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng anh trình độ B		- HTSXNV - HTSXNV - HTTNV	giấy khen giám đốc sở GD&ĐT: 2015, 2018;2019; giấy khen công đoàn ngành 2024	
10	Trịnh Văn Công	15/5/1989	X		Giáo viên	THPT Mường Luân	01/09/2012	13	3,66	V.07.05.15	ĐH Sư phạm Sinh - Hóa	Hạng II	Tin học ứng dụng cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	Giấy khen của Ban chấp hành Công đoàn ngành giáo dục tỉnh Điện Biên năm 2024 - 2025	
XXXII	Trường THCS&THPT Quài Tở																	
1	Mai Thị Lan Hương	09/7/1981		x	PHT	Trường THCS&THPT Quài Tở	15/9/2006	19	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Tiếng anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Pháp trình độ B; tiếng dân tộc Mông		-HTXS NV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen của UBND Tỉnh năm 2022	
2	Hoàng Thị Thạch Tâm	19/04/1984		x	Giáo viên	Trường THCS&THPT Quài Tở	20/9/2009	16	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Sinh học-Công nghệ nông nghiệp, Th.s LL&PP dạy học Sinh học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B1		-HTTNV -HTXS NV -HTXS NV	Giấy khen Giám đốc Sở năm 2020, năm 2024	
3	Nguyễn Thị Phương	01/08/1983		x	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS&THPT Quài Tở	5/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP A2		-HTXS NV -HTTNV -HTXS NV	Giấy khen Giám đốc Sở năm 2020	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
4	Nguyễn Thị Thủy	20/8/1984		x	Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS&THPT Quài Tơ	20/9/2009	16	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lý	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B		-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	Bằng khen của Liên đoàn lao động Tỉnh Điện Biên năm 2023	
XXXIII	Trường THCS&THPT Quyết Tiến																	
1	Trần Công Vũ	29/07/1990	x		PHT	Trường THCS và THPT Quyết Tiến	26/09/2014	11	3.33	V.07.05.15	ĐH Sư Phạm Hóa Học	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		HTXSNV HTTNV HTTNV	CSTĐCS năm: 2021-2022;2022-2023;2024-2025.	
2	Trần Trung Tuấn	26/09/1984	x		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS và THPT Quyết Tiến	15/03/2006	19	3,99	V07.04.32	ĐHSP Giáo dục Thể Chất	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh TOEFL ITP		HTTNV HTTNV HTTNV	CSTĐ Cấp tỉnh năm 2022; Giấy khen trung ương Đoàn 2012. Giáo viên Giỏi cấp Tỉnh	
3	Bùi Văn Ngọc	04/11/1987	x		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS và THPT Quyết Tiến	10/2/2010	15	3,99	V07.04.32	ĐHSP Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		HTTNV HTTNV HTTNV	Giấy khen Giám đốc Sở GD năm 2025	
4	Lò Văn Mới	15/08/1990	x		Tổ trưởng chuyên môn	Trường THCS và THPT Quyết Tiến	15/09/2013	12	3,66	V07.04.32	ĐH Sư Phạm Tiếng Anh	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh (Đại học); Tiếng Trung (HSK2)		HTTNV HTTNV HTTNV	Giấy khen Giám đốc Sở GD năm 2023	
XXXIV	Trung tâm GDNN - GDTX 1																	
1	Phạm Thuý	27/12/1975		x	GĐ	Trung tâm GDNN-GDTX 1	01/04/1998	27	4,98	V07.05.15	Cử nhân Tiếng Anh; Cử nhân Luật kinh tế; Thạc sĩ Quản lý thông tin	II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh (Đại học); Tiếng Trung (HSK2)		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2022; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục của Bộ GD&ĐT năm 2019; Bằng khen của Bộ Công an năm	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Phạm Thị Duyên	07/10/1977		x	PGD	Trung tâm GDNN-GDTX 1	01/11/2000	25	4,98	V07.05.15	ĐHSP Ngữ văn; Th.S Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn	II	Tin học ứng dụng trình độ A	Tiếng Anh B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng Khen của Thủ tướng Chính Phủ 2025; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh năm 2011,2025, 2023; Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm	
3	Phan Bá Hải	17/03/1984	x		PGD	Trung tâm GDNN-GDTX 1	05/9/2007	18	4,32	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn - Thạc sĩ Quản lý Giáo dục	II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng khen của TW Đoàn; Bằng khen của chủ tịch UBND Tỉnh; Bằng khen của Tỉnh đoàn	
4	Phạm Văn Huân	15/3/1974	x		PGD	Trung tâm GDNN - GDTX 1	12/1998	9	4,98	V.07.05.15	ĐH sư phạm Toán, Cử nhân Quản lý giáo dục	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học ứng dụng trình độ B	Bậc 2	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, trình sơ cấp	-HTTNV -HTTNV -HTTNV	- Giấy khen của Chủ tịch huyện Điện Biên năm 2020. 2021, 2023, 2024.	
5	Trần Ninh Nam	27/12/1977	x		PGD	Trung tâm GDNN - GDTX 1	01/10/2001	24	4,65	V07.05.15	ĐH sư phạm Lịch sử, Th.S Quản lý giáo dục	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh 2016	
6	Nghiêm Xuân Hà	10/7/1982	X		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	10/9/2010	15	3,99	V07.05.15	Đại học Sư phạm Địa lí	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học trình độ A	Chứng chỉ tiếng Mông		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021 và 2023; Bằng khen Liên đoàn lao động tỉnh 2025; Kỷ niệm chương Đoàn thanh niên năm	
7	Nguyễn Thị Chiêm	26/3/1989		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	10/9/2013	12	3,66	V07.05.15	ĐH sư phạm Ngữ văn	Hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh 2021; Bằng khen tỉnh đoàn 2018,2019,2020; Bằng khen TW Đoàn 2020; Bằng khen Bộ GD&ĐT 2025; GV	
8	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	20/9/1983		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	10/9/2005	15	4,65	V07.05.15	ĐHSP Địa Lý	Hạng II	Tin học văn phòng trình độ A	Tiếng Anh A2		-HTTNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh 2011; Bằng khen của Bộ GD&ĐT năm 2014; GV dạy giỏi tỉnh năm 2012, 2016	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
9	Nguyễn Thị Mơ	11/3/1980		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	19/3/2003	21	4,98	V07.05.15	ĐHSP Toán học; Thạc sỹ: Toán giải tích	Hạng II	Tin học trình độ A	Tiếng Anh B1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm 2017	
10	Lưu Văn Sơn	14/11/1977	x		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	01/10/2003	21	4,65	V07.05.15	ĐHSP Vật lý -Toán Ths: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh A2		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2021	
11	Nguyễn Thùy Dương	15/7/1985		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	20/09/2009	17	3,99	V07.05.15	ĐHSP Toán học. Thạc sỹ LL và PPDH bộ môn Toán học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học trình độ A	Tiếng Anh B1		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2017-2018, CSTĐCS 2016,2021,2022,2023, 2024,2025; Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 2024	
12	Đặng Thị Xuân	26/01/1977		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX1	20/02/2001	24	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn; Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học UD trình độ B	Tiếng Anh B1		-HTTNV -HTXSNV -HTTNV	Bằng khen của Ủy Ban ND tỉnh năm học 2013-2014, CSTĐCS năm học 2008- 2009, 2012-2013, 2015- 2016, 2024- 2025; Giáo viên dạy giỏi	
13	Phạm Thiên Vương	01/04/1976	x		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX1	15/09/2021	24	4,98	V07.05.15	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh; Thạc sỹ quản lí Giáo dục	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học UD trình độ B	Cử nhân sư phạm Tiếng Anh; Chứng chỉ Tiếng Trung		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bằng khen của TW Đoàn năm 2025, 2026; CSTĐCS năm học 2011- 2012, 2012- 2013, 2017- 2018, 2020-2021; 2024- 2025; Giáo viên dạy	
14	Nguyễn Cao Thắng	07/05/1984	x		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX1	25/9/2008	17	3,99	V07.05.15	ĐHSP Vật lý Thạc sỹ LL và PPDH môn Vật lý	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học UD trình độ B	Tiếng Anh B1		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	- Bằng khen TW Đoàn năm 2012 - 2013. - Giáo viên dạy Giỏi cấp tỉnh năm 2011 - 2012; 2015 - 2016 - Bằng khen của	
15	Phạm Thị Hải Yến	09/11/1988		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX1	20/08/2011	14	3,66	V07.05.15	ĐHSP Hóa học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh Trình độ B		- HTTNV - HTXSNV - HTTNV	Bằng khen UBND tỉnh năm học 2016-2017	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
16	Nguyễn Thị Tâm	09/10/1982		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX1	10/9/2005	16	4,32	V07.05.15	ĐHSP Sinh học; Thạc sỹ lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- Giấy khen Sở LĐT&XH năm học 2022. Giấy khen của UBND huyện 2022-2023	
17	Đỗ Thị Kim Oanh	04/11/1988		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX1	20/8/2011	14	3,66	V07.05.15	ĐHSP Sinh học	Chứng chỉ GVTHPT hạng II	Tin học B	Chứng chỉ tiếng mông		- HTTNV - HTTNV - HTTNV	- CSTĐCS năm học 2018-2019; 2021-2022; 2023-2024; Giấy khen của Giám đốc Sở giáo dục và Đào tạo năm 2016; Giấy khen của công	
18	Phan Thị Thủy Mai	16/3/1986		X	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	10/9/2010	15	3,99	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Lịch sử	Chứng chỉ GV THPT hạng II	Ứng dụng CNTT cơ bản	Chứng chỉ tiếng Mông		-HTXS NV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen Ủy ban nhân dân tỉnh năm học 2015-2016 và năm 2022; Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh năm 2015-2016 và 2024	
19	Vừ Thị Hà	09/12/1983		X	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	01/9/2012	14	3,66	V.07.05.15	ĐHSP Sinh - Hoá	Chứng chỉ GV THPT hạng II	Tin học trình độ B	Chứng chỉ tiếng Mông		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen Liên đoàn LĐ huyện; Giấy khen Đoàn TN	
20	Lò Thị Sơ	14/12/1991		X	Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 1	15/10/2015	10	3,33	V.07.05.15	Đại học Sư phạm Vật lí	Chứng chỉ GV THPT hạng II	Tin học trình độ B	Chứng chỉ tiếng Mông		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Giấy khen Huyện Đoàn năm 2021,2024	
XXXV	Trung tâm GDNN-GDTX 2																	
1	Lê Sỹ Tường	07/05/1979	x		GD	Trung tâm GDNN-GDTX 2	15/02/2008	18	4,32	V07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn, Th.S QLGD	Hạng II	ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh B1		-HTXS NV -HTXS NV -HTXS NV	Bảng khen Thủ tướng năm 2020; Bảng khen UBND tỉnh năm 2022; Huân Chương Hạng III năm 2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Võ Thị Tâm	15/08/1979		x	PGD	Trung tâm GDNN-GDTX 2	15/09/2006	19	4,65	V07.05.15	ĐHSP Ngữ Văn	Hạng II	Tin B	CC Tiếng DT Mông		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	CSTD Cấp tỉnh năm 2022; Bằng khen UBND tỉnh năm 2018; Thủ tướng năm 2023; Bằng khen của Tỉnh ủy năm 2025	
3	Giàng A Tăng	16/07/1987	x		Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX 2	01/09/2012	13	3,66	V07.05.15	ĐHSP Vật Lý	Chứng chỉ GVTHPT Hạng II	Tin B	Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	CSTD năm học 2018-2019; Bằng khen UBND tỉnh năm 2018; Giấy khen UBND huyện Tủa Chùa năm học 2016-2017; 2018-2019;	
4	Đỗ Như Định	02/07/1982	x		Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX 2	20/09/2009	16	3,99	V07.05.15	ĐHSP Lịch Sử	Chứng chỉ GVTHPT Hạng II	Chứng chỉ ứng dụng CNTT Cơ bản	Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông		-HTTNV -HTTNV -HTXSNV	CSTD năm 2020; Chủ tịch UBND Huyện khen năm 2018,2019,2021, 2024	
5	Phạm Thị Hải	18/12/1989		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX 2	10/09/2013	11	3,33	V07.05.15	ĐHSP Hóa học	Chứng chỉ GVTHPT Hạng II	Tin A	Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	CSTD năm 2023, 2024; Chủ tịch UBND Huyện khen năm 2021; 2025	
6	Trần Thị Nguyệt	19/02/1990		X	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX 2	10/09/2013	11	3,66	V07.05.15	ĐHSP Hóa học	Chứng chỉ GVTHPT Hạng II	Chứng chỉ ứng dụng CNTT Cơ bản	Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	CSTD năm 2021, 2024; Chủ tịch UBND Huyện khen năm 2021, 2025	
7	Lê Thị Ánh Tiếp	01/01/1990		x	Giáo viên	Trung tâm GDNN - GDTX 2	15/10/2015	9	3,33	V07.05.15	ĐH SP Vật lí	Hạng II	UDCNTT Cơ bản	Tiếng Anh A2 Tiếng dân tộc Mông		-HTXSNV -HTXSNV -HTXSNV	Bằng khen của UBND Tỉnh năm 2023; CSTD cơ sở năm 2022, 2023, 2024; GK Sở GD&ĐT năm học 2020 - 2021;	

[illegible]

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
1	Trần Thị Măng	01/02/1977		x	GD	Trung tâm GDNN-GDTX 4	01/9/2000	14-6	4,98	V.07.05.15	Thạc sĩ quản lý giáo dục, ĐH sư phạm toán	Hạng II	CNTT cơ bản	Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông		-HTTNV -HTTNV -HTXSNV	Bảng khen của UBND tỉnh Điện Biên năm 2006,2012; Bảng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017; Bảng khen của Liên đoàn lao động tỉnh năm 2015; Chiến sĩ thi đua cấp	
2	Nguyễn Văn Quân	29/01/1975	x		PGD	Trung tâm GDNN-GDTX 4	01/9/2004	20-10	4,65	V.07.05.15	ĐH Bách khoa	Hạng II	TC nghề THVP	Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông	chứng chỉ NVSP	-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2017; Giấy khen của Sở GD&ĐT năm học 2019-2020; 2021-2022. CSTĐ cấp cơ sở các năm học: 2010-2011, 2011-2012, 2013-2014, 2015-2016, 2016-2017, 2021-	
3	Nguyễn Xuân Hoà	23/4/1985	x		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 4	05/03/2011	14-5	3,99	V.07.05.15	ĐH sư phạm ngữ văn	Hạng II	CNTT cơ bản	Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông		-HTXSNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen của UBND tỉnh Điện Biên năm 2022; Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học: 2018-2019, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT năm	
4	Lò Văn Khoan	20/9/1988	x		Giáo viên	Trung tâm GDNN-GDTX 4	10/9/2013	11-11	3,33	V.07.05.15	ĐH sư phạm tin học	Hạng II	Đại học	Chứng chỉ tiếng dân tộc Mông		-HTTNV -HTTNV -HTTNV	Bảng khen của BCH đoàn thanh niên CSHCM tỉnh Điện Biên năm học 2013-2024; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2023-2024; Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện Mường	
XXXVIII	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập tỉnh Điện Biên																	
1	Trần Thị Đào	10/6/1978		x	PGD	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập tỉnh Điện Biên	15/9/2001	25	4,98	V.07.05.15	ĐHSP Ngữ văn; ThS Quản lý giáo dục	Hạng II	Tin học trình độ C	Tiếng Anh B1		-HTXSNV -HTXSNV -HTTNV	- Bảng khen của UBND Năm 2016; - Bảng khen của Bộ GD&ĐT năm 2021; - Bảng khen của Thủ tướng chính phủ Năm 2025	

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Ngày tháng hết tập sự	Thời gian giữ CDNN	Hệ số lương	Mã số CDNN	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ					Kết quả đánh giá 3 năm gần nhất (2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)	Thành tích cao nhất	Ghi chú
											Trình độ đào tạo	Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ	Chứng chỉ NVSP (nếu có)			
2	Đào Thị Thanh Phương	14/5/1981		x	Giáo viên	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập tỉnh Điện Biên	25/9/2008	17	4,32	V.07.05.15	Đại học Lâm nghiệp	Hạng II	Tin học UD trình độ B	Tiếng Anh B	chứng chỉ NVSP	-HTXSNV -HTTNV -HTXSNV	- Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2013; 2015; 2022; 2023; 2024	